VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018 ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam

(Tiếp theo Công báo số 1041 + 1042)

Phụ lục

DANH MỤC VÀ NỘI DUNG HỆ THỐNG NGÀNH SẢN PHẨM VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
	42						Công trình kỹ thuật dân dụng và dịch vụ xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	
		421					Đường sắt và đường bộ, dịch vụ xây dựng đường sắt và đường bộ	
			4211	42110			Đường sắt, dịch vụ xây dựng đường sắt	
					421101		Công trình đường sắt	
						4211011	Đường sắt trên cao	Đường sắt cao tốc, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị
						4211012	Đường sắt quốc gia khổ đường 1435 mm	
						4211013	Đường sắt quốc gia khổ đường 1000 mm; đường lồng, khổ đường (1435 - 1000) mm	
						4211014	Đường sắt chuyên dụng	Đường sắt đi dưới lòng đất, trong núi
						4211015	Đường tàu điện ngầm (metro)	
						4211016	Cầu đường sắt	Ví dụ: Cầu Chui, Cầu Long Biên,...

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4211017	Hầm đường sắt	Ví dụ: Hầm đường sắt đèo Hải Vân...
					421102	4211020	Dịch vụ xây dựng công trình đường sắt	Gồm: dịch vụ xây dựng, sửa chữa, phục hồi, thay thế: - Đường ray đường sắt; - Cấu trúc điện khí hóa đường sắt, cụ thể Gồm: + Dịch vụ đặt chấn lưu và đường ray; + Dịch vụ lắp đặt thiết bị chuyển mạch, điểm và giao cắt; + Dịch vụ xây dựng hệ thống kiểm soát và an toàn cho đường ray; + Dịch vụ xây dựng đường sắt chuyên dụng; - Dịch vụ sơn đường sắt, lắp đặt rào chắn, biển báo giao thông đường sắt
			4212	42120			Công trình đường bộ, dịch vụ xây dựng công trình đường bộ	
					421201		Công trình đường bộ	
						4212011	Đường bộ cao tốc	Đường quốc lộ và tỉnh lộ
						4212012	Đường trong đô thị	Đường nội đô, nội thị, nội khu,...
						4212013	Đường bộ khác	Đường liên xã, đường thôn, ấp,...
						4212014	Đường băng cất hạ cánh	Gồm: cả đường băng sân bay, đường dẫn
						4212015	Trạm thu phí đường bộ	Gồm: nhà điều hành, nhà bán vé, cổng trạm kiểm soát vé, hệ thống điện chiếu sáng và các công trình phụ trợ
						4212016	Nút giao thông	Gồm: nút giao thông đồng mức, nút giao thông khác mức

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Nút giao thông đồng mức Gồm: ngã ba, ngã tư, ngã năm, ngã sáu... - Nút giao thông khác mức: là loại nút giao thông tại đó các đường đi trên các độ cao khác nhau để tránh xung đột giữa các luồng giao thông
						4212019	Công trình đường bộ khác	
					421202		Cầu, đường cao tốc trên cao, đường ngầm và dịch vụ xây dựng cầu, đường cao tốc trên cao, đường ngầm	
						4212021	Đường cao tốc trên cao	
						4212022	Cầu đường bộ	
						4212023	Cầu bộ hành	Cầu cho người đi bộ
						4212024	Hầm đường ô tô	
						4212025	Hầm bộ hành cho người đi bộ	
					421203	4212030	Dịch vụ xây dựng công trình đường bộ	Gồm: - Dịch vụ xây dựng, sửa chữa, phục hồi, thay thế để hình thành các loại đường, hầm và cầu vượt dành cho người đi bộ và phương tiện vận tải đường bộ; - Xây dựng hoặc phục hồi mặt đường; - Dịch vụ lắp đặt rào chắn, biển báo giao thông đường bộ; - Dịch vụ sơn đánh dấu trên đường
		422					Công trình công ích và dịch vụ xây dựng công trình công ích	
			4221	42210			Công trình điện và dịch vụ xây dựng công trình điện	
					422101		Công trình điện	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4221011	Công trình nhiệt điện	Gồm nhiệt điện chạy than, dầu,...
						4221012	Công trình điện hạt nhân	
						4221013	Công trình thủy điện	
						4221014	Công trình điện gió	
						4221015	Công trình điện mặt trời	
						4221016	Công trình điện địa nhiệt	Năng lượng địa nhiệt là năng lượng được tách ra từ nhiệt trong lòng Trái Đất
						4221017	Công trình điện thủy triều	
						4221018	Công trình điện khí biogas	
						4221019	Công trình điện khác	Gồm: công trình điện rác, công trình điện sinh khối, nhà máy điện đồng phát,...
					422102		Đường dây tải điện	
						4221021	Đường dây tải điện 500KV	
						4221022	Đường dây tải điện 220KV	
						4221023	Đường dây tải điện 110KV	
						4221024	Đường dây cáp điện hạ thế	Gồm: cả đường dây cáp điện ngầm và cáp điện treo
					422103	4221030	Trạm biến áp điện	Gồm: cả trạm biến áp trong nhà và ngoài trời
					422104	4221040	Dịch vụ xây dựng công trình điện	Gồm: dịch vụ xây dựng, sửa chữa, thay thế cho các nhà máy và thiết bị phát điện nặng
			4222	42220			Công trình cấp, thoát nước và dịch vụ xây dựng công trình cấp, thoát nước	
					422201		Công trình cấp nước	
						4222011	Công trình khai thác nước thô	Gồm: cả nước mặt, nước ngầm
						4222012	Nhà máy nước, công trình xử lý nước sạch	
						4222013	Trạm bơm nước sạch	Gồm: trạm bơm nước thô, nước sạch hoặc tăng áp (Gồm: cả bể chứa nước, nếu có).

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4222014	Trạm xử lý nước cấp	Gồm: các loại bể lắng, bể lọc, bể chứa, đài chứa nước
						4222015	Mạng lưới (đường ống) cấp nước	
						4222019	Công trình cấp nước khác	
					422202		Công trình thoát nước	
						4222021	Mạng lưới (đường ống) thoát nước	Gồm thu gom và vận chuyển nước mưa, nước thải, nước bẩn, Gồm: cả hệ thống thoát nước ngầm
						4222022	Hồ điều hòa	Gồm: cả hồ chứa nước phục vụ thủy lợi
						4222023	Trạm bơm nước mưa	Gồm: cả bể chứa nước (nếu có)
						4222024	Công trình xử lý nước thải	Bể lắng, bể lọc, hồ sinh học, bể tự hoại...
						4222025	Trạm bơm nước thải	Gồm: cả bể chứa nước (nếu có)
						4222026	Công trình xử lý bùn	
						4222027	Các loại giếng thăm, giếng chuyển bậc, giếng thu nước mưa	
						4222029	Công trình thoát nước khác	Ví dụ: cửa xả nước thải...
					422203		Công trình thủy lợi	
						4222031	Công trình đầu mối hồ chứa nước	
						4222032	Công trình cấp nước (cho diện tích được tưới) hoặc tiêu thoát (cho diện tích tự nhiên khu tiêu)	Công trình đầu mối trạm bơm tưới Công trình đầu mối trạm bơm tiêu
						4222033	Công trình cấp nguồn nước chưa xử lý cho các ngành sử dụng nước khác	
						4222039	Công trình thủy lợi khác	Ví dụ: Cống ngăn mặn...
					422204	4222040	Dịch vụ xây dựng công trình cấp, thoát nước	Gồm: dịch vụ xây dựng, sửa chữa, phục hồi, thay thế các công trình cấp, thoát nước.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
			4223	42230			Công trình viễn thông, thông tin liên lạc và dịch vụ xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	
					422301		Công trình viễn thông, thông tin liên lạc	
						4223011	Tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình	
						4223012	Trạm vi ba	
						4223013	Trạm vệ tinh mặt đất	
						4223019	Công trình viễn thông, thông tin liên lạc khác	
					422302	4223020	Dịch vụ xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	Gồm: dịch vụ xây dựng, sửa chữa, phục hồi, thay thế các công trình viễn thông, thông tin liên lạc
			4229	42290			Công trình công ích khác và dịch vụ xây dựng công trình công ích khác	
					422901		Công trình cấp năng lượng khác	
						4229011	Nhà máy cấp nhiệt	
						4229012	Nhà máy cấp hơi	
						4229013	Nhà máy cấp khí nén	
					422902		Công trình đường ống	
						4229021	Công trình đường ống dẫn chất khí và chất lỏng đường dài	Gồm: đường ống dẫn khí từ mỏ dầu ngoài khơi vào bờ
						4229022	Công trình đường ống dẫn chất khí và chất lỏng nội vùng	Gồm: đường ống dẫn chất khí và chất lỏng nội đô, nội thị, nội khu
						4229023	Tuy nen kỹ thuật	Đường hầm chứa cáp điện, cáp thông tin, ống cấp nước...
						4229029	Công trình đường ống khác	
					422903		Công trình công ích khác	
						4229031	Sân bãi để xe, máy móc thiết bị (không có mái che)	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4229032	Công trình chiếu sáng công cộng	Còn gọi là hệ thống chiếu sáng công cộng, Gồm: mạng lưới điện chiếu sáng, cột đèn
						4229033	Công viên cây xanh	Gồm: cả vườn hoa công cộng...
						4229034	Nghĩa trang	
						4229035	Tượng đài, bia tưởng niệm, tháp ngoài trời và các công trình khác có chức năng tương đương	
						4229039	Công trình công ích khác	Ví dụ: pa nô, biển quảng cáo độc lập,...
					422904	4229040	Dịch vụ xây dựng công trình công ích khác	Gồm: dịch vụ xây dựng, sửa chữa, phục hồi, thay thế các công trình cấp năng lượng (trừ điện); công trình đường ống và các công trình công ích khác.
		429					Công trình kỹ thuật dân dụng khác và dịch vụ xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	
			4291	42910			Công trình thủy và dịch vụ xây dựng công trình thủy	
					429101		Công trình đường thủy nội địa	
						4291011	Cảng, bến hàng hóa	
						4291012	Cảng, bến hành khách	
						4291013	Cầu tàu cảng sông	
						4291014	Bến phà	
						4291015	Âu tàu	Âu tàu là bộ phận giúp cho tàu thuyền qua lại những nơi mực nước có sự biến đổi đột ngột, thường ở thượng hạ lưu của các cống đập. Tại âu tàu có các thiết bị nâng tàu thuyền và các cửa van để tạo ra mực nước thuận lợi cho sự di chuyển của tàu

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4291019	Công trình đường thủy nội địa khác	
					429102		Công trình hàng hải	
						4291021	Công trình bến cảng biển, khu vực neo đậu chuyển tải, tránh trú bão	Gồm cả bến phà, cảng và cầu cảng ngoài đảo, bến cảng chuyên dụng
						4291022	Cầu cảng biển	
						4291023	Đèn biển (hải đăng)	Đèn biển là báo hiệu hàng hải được thiết lập cố định tại các vị trí cần thiết ven bờ biển, trong vùng nước cảng biển và vùng biển
						4291029	Công trình hàng hải khác	Đơn vị tính ghi theo thực tế công trình
					429103		Công trình bảo vệ cảng, gia cố bờ; công trình chắn sóng, nắn dòng chảy	
						4291031	Đê	Đê chắn sóng, đê chắn cát
						4291032	Kè	Kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ
						4291033	Đập	
						4291034	Kênh	
						4291039	Công trình bảo vệ cảng, gia cố bờ; công trình chắn sóng, nắn dòng chảy khác	
					429104	4291040	Dịch vụ xây dựng công trình thủy	Gồm: dịch vụ xây dựng, sửa chữa, phục hồi, thay thế các công trình đường thủy nội địa; công trình hàng hải; công trình bảo vệ cảng, gia cố bờ và các công trình chắn sóng, nắn dòng chảy
			4292	42920			Công trình khai khoáng và dịch vụ xây dựng công trình khai khoáng	
					429201		Công trình khai thác than	
						4292011	Mỏ than hầm lò	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4292012	Mỏ than lộ thiên	
						4292013	Nhà máy sàng tuyển than	Nhà máy chọn rửa, tuyển than
						4292019	Công trình khai thác than khác	
					429202		Công trình khai thác quặng	
						4292021	Mỏ quặng hầm lò	
						4292022	Mỏ quặng lộ thiên	
						4292023	Nhà máy tuyển/làm giàu quặng	Gồm: cả tuyển quặng bô xít
						4292024	Công trình sản xuất alumin	
						4292029	Công trình khai thác quặng khác	
					429203		Công trình khai thác dầu khí	
						4292031	Công trình khai thác dầu khí trên biển	Giàn khoan thăm dò, khai thác trên biển
						4292032	Công trình khai thác dầu khí trên đất liền	Giàn khoan thăm dò, khai thác trên đất liền
						4292033	Công trình lọc dầu	Nhà máy lọc dầu
						4292034	Công trình chế biến khí	Nhà máy chế biến khí, nhà máy sản xuất khí đốt tự nhiên
						4292035	Công trình sản xuất nhiên liệu sinh học	Ví dụ: nhiên liệu để sản xuất ra xăng E5 (ethanol),...
						4292036	Kho xăng dầu	Kho xăng dầu xây dựng ngoài trời
						4292037	Kho chứa khí hóa lỏng, trạm chiết nạp khí hóa lỏng	
						4292038	Nhà máy sản xuất dầu nhờn	
						4292039	Công trình khai thác dầu khí khác	Ví dụ: nhà máy tái chế dầu thải
					429204		Công trình mỏ khai thác nguyên liệu cho ngành vật liệu xây dựng	
						4292041	Mỏ khai thác đá	
						4292049	Mỏ khai thác khác	Gồm: cát, đất sét và các nguyên liệu cho ngành vật liệu xây dựng khác

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					429205	4292050	Dịch vụ xây dựng công trình khai khoáng	Gồm: dịch vụ xây dựng, sửa chữa, thay thế mỏ và các công trình liên quan như: trạm bốc dỡ và đổ, trục, tháp, đường hầm và băng chuyền vận chuyển liên quan đến hoạt động khai thác
			4293	42930			Công trình chế biến, chế tạo và dịch vụ xây dựng công trình chế biến, chế tạo	
					429301		Công trình công nghiệp thực phẩm	
						4293011	Nhà máy chế biến đồ hộp	Nhà máy chế biến và đóng hộp
						4293012	Nhà máy chế biến thủy, hải sản	
						4293013	Nhà máy sản xuất dầu ăn, hương liệu	
						4293014	Nhà máy sữa	
						4293015	Nhà máy xay xát, chế biến nông sản	Nhà máy xay xát, lau bóng gạo và các sản phẩm ngũ cốc; nhà máy chế biến chè; cà phê, nhà máy chế biến tinh bột sắn...
						4293016	Nhà máy đường	
						4293017	Nhà máy sản xuất bánh kẹo, mỳ ăn liền và sản phẩm tương tự	
						4293018	Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	
						4293019	Công trình công nghiệp thực phẩm khác	
					429302		Công trình sản xuất đồ uống; thuốc lá; dệt, may; da và sản xuất sản phẩm từ da; chế biến và xử lý gỗ; giấy và sản phẩm từ giấy	
						4293021	Nhà máy sản xuất đồ uống	Nhà máy sản xuất rượu, bia, nước giải khát

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4293022	Nhà máy sản xuất thuốc lá	Quy cách 20 điếu/bao
						4293023	Nhà máy xơ sợi	
						4293024	Nhà máy dệt	Quy chuẩn 1,6m x 2m
						4293025	Nhà máy in, nhuộm (ngành dệt may)	
						4293026	Nhà máy sản xuất các sản phẩm may	
						4293027	Nhà máy thuộc da và sản xuất các sản phẩm từ da	
						4293028	Nhà máy chế biến và xử lý gỗ	
						4293029	Nhà máy bột giấy và giấy	
					429303		Công trình công nghiệp hóa chất cơ bản	
						4293031	Công trình sản xuất sản phẩm hóa chất cơ bản	Nhà máy sản xuất Amoniac, axit, xút, clo các loại; Nhà máy sản xuất sô đa; Nhà máy sản xuât các muối vô cơ, ôxit vô cơ; Nhà máy sản xuất các loại hóa chất vô cơ tinh và tinh khiết
						4293032	Nhà máy sản xuất sản phẩm hóa dầu	PP, PE, PVC, PS, PET, SV, sợi, DOP, Polystyren; LAB, cao su tổng hợp và các sản phẩm khác
						4293033	Nhà máy sản xuất sản phẩm hóa dược; thuốc	
						4293034	Nhà máy sản xuất hóa mỹ phẩm; Nhà máy sản xuất sản phẩm tẩy rửa	Hóa mỹ phẩm: các sản phẩm làm đẹp: kem dưỡng da,... Sản phẩm tẩy rửa: kem giặt, bột giặt, nước gội đầu, nước cọ rửa, xà phòng...
						4293035	Nhà máy sản xuất sản phẩm sơn, mực in các loại	
						4293036	Nhà máy sản xuất khí công nghiệp	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4293037	Nhà máy sản xuất sản phẩm nguyên liệu mỏ hóa chất	Ví dụ: nhà máy tuyển quặng apatit,...
						4293038	Công trình sản xuất vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ	
						4293039	Công trình sản xuất sản phẩm hóa chất cơ bản khác	Ví dụ: Nhà máy sản xuất nguyên liệu nhựa alkyd, acrylic
					429304		Công trình sản xuất sản phẩm từ hóa chất	
						4293041	Công trình sản xuất phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật	- Nhà máy sản xuất Urê, DAP, MPA, SA, NPK phức hợp; - Nhà máy sản xuất phân lân các loại (supe lân, lân nung chảy); - Nhà máy sản xuất NPK hỗn hợp, phân vi sinh; - Nhà máy sản xuất hóa chất bảo vệ thực vật
						4293042	Nhà máy sản xuất săm lốp ô tô, máy kéo	
						4293043	Nhà máy sản xuất săm lốp xe mô tô, xe đạp	
						4293044	Nhà máy sản xuất băng tải	
						4293045	Nhà máy sản xuất cao su kỹ thuật	
						4293046	Nhà máy sản xuất pin	
						4293047	Nhà máy sản xuất ắc quy	
						4293048	Nhà máy sản xuất que hàn	
						4293049	Nhà máy sản xuất các sản phẩm plastic	
					429305		Công trình sản xuất vật liệu, sản phẩm xây dựng	
						4293051	Nhà máy sản xuất sản phẩm ốp, lát	
						4293052	Nhà máy sản xuất gạch đất sét nung	
						4293053	Nhà máy sản xuất vật liệu chịu lửa	Gồm: cả lò nung gạch chịu lửa cao alumin

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4293054	Nhà máy sản xuất sản phẩm sứ vệ sinh	
						4293055	Nhà máy sản xuất kính xây dựng	
						4293056	Nhà máy sản xuất sản phẩm từ kính	Gồm: kính tôi, kính hộp, kính nhiều lớp...
						4293057	Nhà máy sản xuất xi măng	
						4293058	Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn	Gồm: - Nhà máy sản xuất sản phẩm, cấu kiện bê tông thông thường; nhà máy sản xuất gạch xi măng cột liệu; - Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông ly tâm, cấu kiện bê tông ứng lực trước; - Nhà máy sản xuất viên xây, cấu kiện bê tông khí AAC
						4293059	Công trình sản xuất vật liệu xây dựng khác	Trạm nghiền xi măng, trạm trộn bê tông (đơn vị tính là m^3/giờ)...
					429306		Công trình luyện kim và cơ khí chế tạo	
						4293061	Nhà máy luyện kim	- Nhà máy luyện kim mầu; - Nhà máy luyện phôi thép; - Nhà máy luyện, cán thép, kéo thép xây dựng.
						4293062	Khu liên hợp luyện kim	Gồm: hệ thống các nhà máy: - Nhà máy luyện kim mầu; - Nhà máy luyện phôi thép; - Nhà máy luyện, cán thép, kéo thép xây dựng
						4293063	Nhà máy chế tạo máy động lực và máy nông nghiệp	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4293064	Nhà máy chế tạo máy công cụ và thiết bị công nghiệp	
						4293065	Nhà máy chế tạo thiết bị nâng hạ	
						4293066	Nhà máy chế tạo máy xây dựng	Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy ủi, máy đào, máy xúc; Nhà máy sản xuất, lắp ráp xe lu tĩnh và lu rung; Nhà máy sản xuất, lắp ráp cẩu tự hành.
						4293067	Nhà máy chế tạo thiết bị toàn bộ	Thiết bị toàn bộ thường là phần thiết bị (máy móc, thiết bị phụ trợ, công nghệ,...) của công trình hoàn chỉnh thực hiện phương thức hợp đồng EPC (Gồm: cả thiết kế, chuyển giao công nghệ, mua sắm - chế tạo và xây dựng). VD: Dây chuyền sản xuất kính an toàn cho xe ô tô theo công nghệ của Phần Lan
						4293069	Công trình luyện kim và cơ khí chế tạo khác	
					429307		Công trình sản xuất thiết bị điện, điện tử; công trình sản xuất, lắp ráp phương tiện vận tải	
						4293071	Nhà máy lắp ráp điện tử, điện lạnh	Nhà máy lắp ráp điện tử (ti vi, máy tính và các sản phẩm tương đương), điện lạnh (điều hòa, tủ lạnh và sản phẩm tương đương)
						4293072	Nhà máy chế tạo linh kiện, phụ tùng thông tin và điện tử	Mạch in điện tử, IC và sản phẩm tương đương
						4293073	Công trình sản xuất thiết bị điện, điện tử khác	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4293074	Nhà máy đóng, sửa chữa tàu	Công trình sửa chữa, đóng mới phương tiện thủy nội địa (bến, ụ, triền, đà...), tàu biển, ụ tàu biển, âu tàu biển và các công trình nâng hạ tàu biển khác (triền, đà, sàn nâng,...)
						4293075	Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô	
						4293076	Nhà máy sản xuất, lắp ráp xe máy	
						4293077	Nhà máy sản xuất, lắp ráp đầu máy tàu hỏa	
						4293078	Nhà máy sửa chữa, bảo dưỡng máy bay	
						4293079	Nhà máy sản xuất, lắp ráp xe có động cơ khác	
					429308		Công trình chế biến, chế tạo khác	
						4293081	Nhà máy in	In trên chất liệu giấy
						4293082	Nhà máy in tiền	
						4293083	Nhà máy sản xuất đồ sành, sứ, thủy tinh	
						4293084	Nhà máy sản xuất sản phẩm gốm đất nung	
						4293085	Nhà máy sản xuất nước đá	
						4293086	Nhà máy sản xuất công nghiệp hỗ trợ	
						4293087	Kho chứa hóa chất	
						4293089	Công trình chế biến, chế tạo khác	
					429309	4293090	Dịch vụ xây dựng công trình chế biến, chế tạo	Gồm: dịch vụ xây dựng, sửa chữa, thay thế các công trình chế biến, chế tạo
			4299	42990			Công trình kỹ thuật dân dụng khác và dịch vụ xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	
					429901		Công trình thể thao ngoài trời	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4299011	Sân vận động, sân thi đấu thể thao ngoài trời tổng hợp cho nhiều môn, có khán đài	
						4299012	Sân vận động, sân thi đấu thể thao ngoài trời tổng hợp cho nhiều môn, không có khán đài	Sân điều kinh (Đường chạy thẳng, đường chạy vòng; sân nhảy xa, nhảy 3 bước; sân nhảy cao; sân nhảy sào; sân đẩy tạ; sân ném lựu đạn; sân lăng đĩa, lăng tạ xích; sân phóng lao,...)
						4299013	Sân vận động, sân thi đấu thể thao ngoài trời riêng cho từng môn, có khán đài	Sân bóng đá, sân tennis, trường đua, trường bắn..., có khán đài
						4299014	Sân vận động, sân thi đấu thể thao ngoài trời riêng cho từng môn, không có khán đài	Sân bóng đá tập luyện, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân bóng rổ, sân tennis,...: không có khán đài Không Gồm: sân gôn
						4299015	Sân gôn	
						4299016	Bể bơi ngoài trời	Gồm: cả bể bơi có khán đài và không có khán đài
						4299019	Công trình thể thao ngoài trời khác	
					429902		Công trình vui chơi, giải trí ngoài trời	
						4299021	Tuyến cáp treo vận chuyển người	
						4299029	Công trình vui chơi, giải trí ngoài trời khác	
					429903		Công trình thu gom xử lý chất thải rắn	
						4299031	Trạm trung chuyển	
						4299032	Công trình xử lý chất thải rắn	Khu liên hợp xử lý, trạm xử lý chế biến thành phân vi sinh, bãi chôn lấp, lò đốt. Gồm cả chất thải rắn thông thường và nguy hại:

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					429904		Công trình quốc phòng an ninh	
						4299041	Pháo đài	
						4299042	Doanh trại quân đội	
						4299043	Hầm trú ẩn	
						4299044	Trường bắn	
						4299045	Trung tâm thử nghiệm quân sự	
						4299049	Công trình phục vụ quốc phòng an ninh khác	
					429905		Công trình kỹ thuật dân dụng khác	
						4299051	Công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp	
						4299052	Công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	
						4299053	Trung tâm logistic	Trung tâm logistics là nơi thực hiện các hoạt động liên quan đến vận tải và phân phối hàng hóa, trung tâm logistics Gồm: kho bãi, văn phòng, khu vực xếp dỡ hàng,...
						4299059	Công trình kỹ thuật dân dụng khác	
					429906	4299060	Dịch vụ xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	Gồm: dịch vụ xây dựng, sửa chữa, phục hồi, thay thế các công trình thể thao ngoài trời; công trình vui chơi giải trí ngoài trời; công trình thu gom, xử lý chất thải rắn; công trình quốc phòng an ninh và công trình kỹ thuật dân dụng khác
	43						Dịch vụ xây dựng chuyên dụng	
		431					Dịch vụ phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng	
			4311	43110			Dịch vụ phá dỡ	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					431101		Dịch vụ phá dỡ công trình nhà	
						4311011	Dịch vụ phá dỡ công trình nhà để ở	
						4311012	Dịch vụ phá dỡ công trình nhà không để ở	
					431102		Dịch vụ phá dỡ công trình kỹ thuật dân dụng	
						4311021	Dịch vụ phá dỡ công trình đường	
						4311029	Dịch vụ phá dỡ công trình kỹ thuật dân dụng khác	
			4312	43120			Dịch vụ chuẩn bị mặt bằng	
					431201		Dịch vụ hình thành và giải phóng mặt bằng	
						4312011	Dịch vụ chuẩn bị đất trong nông nghiệp, kể cả thoát nước	
						4312012	Dịch vụ chuẩn bị mặt bằng để khai thác mỏ, Gồm: cả dịch vụ nổ mìn và vận chuyển đất, đá	
						4312013	Dịch vụ làm sạch mặt bằng xây dựng	Gồm: đào, lấp, san, ủi tại mặt bằng xây dựng, đào móng, vận chuyển đất, đá
						4312014	Gia cố, ổn định đất	
						4312015	Dịch vụ khoan, khoan thăm dò cho mục đích xây dựng, địa vật lý, địa chất hoặc các mục đích tương tự	Không Gồm: khoan giếng nước, khoan ngẫu nhiên để khai thác dầu và khí đốt
						4312016	Dịch vụ khoan ngang định hướng lắp đặt ống cáp hoặc ống cống	Khoan ngang định hướng là kỹ thuật khoan ngầm tạo thành một đường ống theo kích thước mong muốn để kéo và lắp đặt đường ống nước, ống cáp điện, ống thông tin... ở chiều sâu lớn dưới các chướng ngại vật mà không cần đào lộ thiên để thực hiện

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								Khoang ngang định hướng còn gọi là khoan bê tông lỗ hoặc khoan rút lõi bê tông
						4312017	Đào rãnh phục vụ thoát nước tại mặt bằng xây dựng	
						4312019	Dịch vụ chuẩn bị mặt bằng khác	
					431202		Dịch vụ khai quật và đào đất	
						4312021	Dịch vụ khai quật, đào đất, dốc và đào đất làm kè hoặc cắt, trước khi xây dựng đường	
						4312022	Đào hào, đào mương	Cho mục đích thoát nước đô thị, cho các công trình đường và các công trình xây dựng khác
						4312023	Dịch vụ cải tạo đất, làm sạch đất bị ô nhiễm	
						4312029	Dịch vụ khai quật và đào đất khác	
		432					Dịch vụ lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác	
			4321	43210			Dịch vụ lắp đặt hệ thống điện	
					432101		Dịch vụ lắp đặt hệ thống mạch điện và thiết bị điện	
						4321011	Dịch vụ lắp đặt các mạch điện và thiết bị điện cơ bản	Gồm hoạt động: thiết kế, lắp đặt hệ thống dây dẫn điện, thiết bị điện (máy biến áp, công tắc tơ, aptomat, cầu chì, cầu dao...) trong các công trình xây dựng
						4321012	Hệ thống dây điện và dịch vụ lắp đặt hệ thống cấp điện khẩn cấp	
						4321013	Dịch vụ điện phát sinh từ việc lắp đặt thiết bị điện	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4321014	Dịch vụ lắp đặt đồng hồ đo điện	
					432102	4321020	Dịch vụ lắp đặt hệ thống báo cháy	
					432103	4321030	Dịch vụ lắp đặt hệ thống báo động chống trộm	
					432104		Dịch vụ lắp đặt ăng-ten dân cư	
						4321041	Dịch vụ lắp đặt các loại ăng ten dân cư	Gồm: cả ăng-ten vệ tinh
						4321042	Dịch vụ lắp đặt các đường dây truyền hình cáp trong tòa nhà	
					432109		Dịch vụ lắp đặt điện khác	
						4321091	Dịch vụ lắp đặt điện của thiết bị viễn thông	
						4321092	Dịch vụ lắp đặt điện chiếu sáng và hệ thống báo hiệu cho đường bộ, đường sắt, sân bay, bến cảng và các công trình tương tự	
						4321093	Dịch vụ lắp đặt thiết bị điện nặng	Hệ thống điện nặng là hệ thống điện chính của tòa nhà Gồm: hệ thống Điện Động Lực và hệ thống Điện Nhẹ; Sử dụng nguồn điện chính 3 pha 380 Volt hoặc 1 pha 220 Volt. Nguồn Cấp điện chính: Trạm biến áp điện lực + tủ tụ bù ==> ATS + máy phát ==> UPS lưu điện ==> tải sử dụng trực tiếp. Tải sử dụng trực tiếp: từng căn hộ sử dụng điện 1 pha, máy bơm cấp thoát nước, thang máy, điều hòa,...
						4321094	Dịch vụ lắp đặt hệ thống dây dẫn viễn thông, Gồm: cáp quang	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4321099	Dịch vụ lắp đặt điện khác	
			4322				Dịch vụ lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	
				43221			Dịch vụ lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	
					432211		Dịch vụ lắp đặt hệ thống cấp nước	
						4322111	Dịch vụ lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước (nước nóng và lạnh đầu nguồn), Gồm: cả lắp đặt vòi nước	
						4322112	Dịch vụ lắp đặt thiết bị vệ sinh cố định	
						4322113	Dịch vụ lắp đặt ống nước	
						4322114	Dịch vụ lắp đặt các thiết bị cấp nước tăng áp để chữa cháy, tưới cây (Gồm: phích cắm có vòi và vòi)	Lắp đặt hệ thống phun nước chữa cháy, hệ thống phun nước tưới cây
					432212		Dịch vụ lắp đặt hệ thống thoát nước	
						4322121	Dịch vụ xây dựng nối các đường cống thoát nước chính	Gồm: việc nối các đường cống thoát nước chính giữa các đường phố hoặc giữa các ngõ, hẻm
						4322122	Dịch vụ xây dựng nối đường cống thoát nước của tòa nhà với đường cống thoát nước chính	Gồm: đặt vật liệu, xây dựng và thay đổi đường cống thoát nước của tòa nhà để kết nối với các đường thoát nước chính trên đường phố, ngõ, hẻm hoặc trạm thoát nước cuối cùng khác
				43222			Dịch vụ lắp đặt hệ thống sưởi và điều hòa không khí	
					432221		Dịch vụ lắp đặt hệ thống sưởi	
						4322211	Dịch vụ lắp đặt thiết bị sưởi ấm	Gồm: dịch vụ lắp đặt đường ống nước, ống dẫn nhiệt và tấm kim loại, ví dụ: hệ thống

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								thu nạp năng lượng mặt trời không dùng điện, hệ thống sưởi bằng điện, gas, dầu...
						4322212	Lắp đặt và bảo trì hệ thống kiểm soát nhiệt trung tâm	
						4322213	Dịch vụ bảo trì, sửa chữa lò hơi và đèn đốt	
					432222	4322220	Dịch vụ lắp đặt thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hòa không khí	Gồm: dịch vụ lắp đặt thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hòa không khí cho nhà ở, trung tâm máy tính, văn phòng và cửa hàng; Gồm: dịch vụ lắp đặt đường ống nước, ống dẫn nhiệt và tấm kim loại
					432223		Dịch vụ lắp đặt hệ thống khí	Gồm: cả khí gas
						4322231	Dịch vụ lắp đặt các bộ phận và thiết bị để cung cấp khí oxy và các loại khí khác được sử dụng trong bệnh viện, nhà cửa,...	
						4322232	Kết nối của thiết bị vận hành bằng khí khác	
			4329	43290			Dịch vụ lắp đặt hệ thống xây dựng khác	
					432901		Dịch vụ lắp đặt các tấm cách ly	
						4329011	Dịch vụ lắp đặt cách nhiệt	Chống nhiệt (nóng, lạnh) ngoài trời và trong nhà
						4329012	Dịch vụ lắp đặt cách nhiệt của đường ống nước nóng và nước lạnh, nồi hơi và đường ống dẫn	
						4329013	Dịch vụ lắp đặt cách âm	
						4329014	Dịch vụ lắp đặt chống cháy	
					432902	4329020	Dịch vụ lắp đặt thang máy, thang cuốn, đường bộ lăn	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					432903		Dịch vụ lắp đặt khác chưa phân vào đâu	
						4329031	Lắp đặt hệ thống âm thanh	
						4329032	Dịch vụ lắp đặt cửa cuốn, cửa tự động	
						4329033	Dịch vụ lắp đặt mành treo và rèm cửa	
						4329034	Dịch vụ lắp đặt mái che và mái hiên	
						4329035	Dịch vụ lắp đặt dây dẫn sét	
						4329036	Dịch vụ lắp đặt biển báo (phát quang hoặc không phát quang)	Không có điện
						4329039	Dịch vụ lắp đặt khác chưa phân vào đâu	
		433	4330	43300			Dịch vụ hoàn thiện công trình xây dựng	
					433001	4330010	Dịch vụ lắp kính	Gồm: - Dịch vụ lắp đặt tấm ốp kính, tường gương và các sản phẩm thủy tinh khác; - Dịch vụ lắp đặt cửa sổ, cửa ra vào bằng kính.
					433002	4330020	Dịch vụ thạch cao	Gồm: dịch vụ xây dựng nội thất và ngoại thất bằng các vật liệu: thạch cao, vữa xi măng (stucco), lati
					433003	4330030	Dịch vụ sơn	Gồm: - Sơn bên ngoài và bên trong công trình nhà, sơn các kết cấu công trình dân dụng... - Dịch vụ tẩy sơn.
					433004		Dịch vụ sàn và tường	
						4330041	Dịch vụ lát sàn và ốp tường	Gồm: Dịch vụ ốp tường bằng gốm, bê tông hoặc đá, lát sàn bằng gạch và đá bên trong trong và ngoài công trình; trang trí tường của các tòa nhà với vật liệu gốm, đá, gạch,...

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4330042	Dịch vụ phủ sàn và tường	Gồm: - Trải thảm, vải sơn lót sàn nhà hoặc các tấm trải sàn khác và các dịch vụ hoàn thiện có liên quan. - Dịch vụ lắp đặt sàn bằng gỗ và các vật liệu tương tự, Gồm: cả lót ván sàn và dịch vụ hoàn thiện liên quan như: chà nhám, đánh bóng sáp, bịt kín, - Dịch vụ dán giấy gián tường và các loại tấm phủ tường khác - Dịch vụ bóc giấy dán tường
					433005		Dịch vụ lắp đặt cửa và khung cửa	
						4330051	Dịch vụ lắp đặt cửa và khung cửa	Gồm: Dịch vụ lắp đặt khung cửa sổ, khung cửa ra vào, cửa sổ, cửa ra vào, cửa chớp, cửa thông gió, cửa nhà để xe,... được làm từ bất kỳ loại vật liệu nào
						4330052	Bọc thép cửa ngoài trời và dịch vụ lắp đặt cửa bọc thép	
						4330053	Dịch vụ lắp đặt cửa chống cháy	
					433006		Dịch vụ lắp tấm lợp, vách ngăn	
						4330061	Dịch vụ lắp đặt vách ngăn di động và trần lửng (trần giả) trên kết cấu kim loại	
						4330062	Dịch vụ lắp đặt mái hiên cho nhà riêng	
						4330063	Dịch vụ lắp đặt rui, kèo nhà bằng gỗ và các vật liệu khác (trừ kim loại)	
						4330064	Dịch vụ lắp đặt tấm lợp, ván che, ván ốp...	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4330065	Dịch vụ lắp đặt tấm kim loại chế tạo tiêu chuẩn hoặc tùy chỉnh	
						4330066	Dịch vụ lắp đặt tấm kim loại trang trí hoặc kiến trúc	
						4330067	Dịch vụ lắp đặt lưới tản nhiệt	
						4330068	Dịch vụ lắp đặt nhà kính (trồng cây)	
						4330069	Dịch vụ lắp đặt tấm lớp, vách ngăn khác	
					433007		Dịch vụ lắp đặt ngoại thất	
						4330071	Dịch vụ lắp đặt hàng rào, lan can và các công việc tương tự	Bằng tất cả các loại vật liệu: dây, gỗ, thép, sợi thủy tinh...
						4330072	Dịch vụ lắp đặt cầu thang thoát hiểm bằng kim loại	
						4330079	Dịch vụ lắp đặt ngoại thất khác	
					433008		Dịch vụ lắp đặt nội thất	Dịch vụ lắp đặt các thiết bị bên trong công trình nhà
						4330081	Dịch vụ lắp đặt thiết bị nhà bếp cố định, cầu thang, tủ âm tường và các công việc tương tự cho nhà ở	
						4330082	Dịch vụ lắp đặt nội thất cho nhà không để ở và các công trình khác	Cửa hàng, thuyền, nhà chờ xe buýt BRT...
					433009	4330090	Dịch vụ hoàn thiện công trình xây dựng khác	Dịch vụ làm sạch các tòa nhà mới sau xây dựng,...
		439	4390	43900			Dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác	
					439001		Dịch vụ khoan giếng và lắp đặt hệ thống tự hoại	
						4390011	Dịch vụ khoan giếng	Gồm: - Dịch vụ xây dựng chuyên dụng liên quan tới việc khoan hoặc đào các giếng nước; - Dịch vụ lắp đặt máy bơm nước và hệ thống đường ống dẫn nước.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4390012	Dịch vụ xây dựng bể bơi ngoài trời	
						4390013	Dịch vụ lắp đặt hệ thống tự hoại	Gồm: - Hệ thống tự hoại hiếu khí; - Các hệ thống tự hoại thoát hơi (ET): (thoát nước thải thông qua sự bay hơi từ bề mặt đất hoặc hô hấp của cây trồng mà không cần xả nước ra ngoài); - Hệ thống nước xám (nước thải từ sinh hoạt không chứa chất phân như: nước thải từ tắm giặt, nấu ăn..); - Hệ thống tự hoại bể phốt - Hệ thống khử khuẩn tự hoại - Nhà vệ sinh hóa chất, ủ phân, đốt rác và không có nước
					439002		Dịch vụ lắp, dựng cấu kiện đúc sẵn	
						4390021	Dịch vụ lắp đặt, lắp ráp và lắp dựng nhà tiền chế	
						4390022	Lắp đặt, lắp ráp và lắp dựng các cấu kiện và cấu kiện đúc sẵn khác	
						4390023	Dịch vụ lắp đặt tất cả các loại đồ nội thất đường phố	Ví dụ: nhà chờ xe buýt, băng ghế, buồng điện thoại, nhà vệ sinh công cộng,...
					439003		Dịch vụ xây dựng chuyên dụng	
						4390031	Dịch vụ đóng cọc	Gồm: cọc gỗ, cọc bê tông,...
						4390032	Dịch vụ nền móng	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4390033	Dịch vụ đóng khung xây dựng	Dịch vụ dựng khung cho các tòa nhà, làm từ gỗ hoặc kim loại; Dịch vụ dựng khung mái nhà
						4390034	Dịch vụ lợp mái và chống thấm	Gồm: cả chống ẩm
						4390035	Dịch vụ bê tông	Gồm: - Dịch vụ lắp dựng khung bê tông cốt thép cỡ lớn - Dịch vụ xây dựng mái vòm bê tông - Dịch vụ xây dựng chuyên dụng liên quan đến uốn và hàn thép cho các khối bê tông cốt thép trong các công trình xây dựng - Đúc bê tông trong ván khuôn và các dịch vụ sử dụng bê tông (nền móng chung, nền đường bê tông, móng bè, cọc, trụ đỡ, sàn,...) - Dịch vụ liên quan đến việc xây dựng và gia cố ván khuôn bê tông - Làm chắc nền móng
						4390036	Dịch vụ lắp dựng kết cấu thép	Gồm: - Dịch vụ xây dựng chuyên dụng của khung thép; - Dịch vụ lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối cho các tòa nhà và các công trình khác như: cầu, cần cẩu trên cao hoặc tháp truyền tải điện; - Lắp dựng các bức tường vách (tường không chịu lực); - Dịch vụ hàn có liên quan.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4390037	Dịch vụ xây	
						4390038	Dịch vụ dựng giàn giáo	Gồm: lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, Gồm: cả cho thuê cốp pha, giàn giáo
						4390039	Dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác chưa phân vào đâu	Gồm: - Dịch vụ xây dựng ống khói nhà máy - Dịch vụ xây dựng lò chịu lửa... - Dịch vụ xây dựng, trang trí lò sưởi - Dịch vụ làm sạch bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà - Dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu, ví dụ: di chuyển các tòa nhà, dịch vụ dỡ bỏ các tấm amiăng
G							**DỊCH VỤ BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ; DỊCH VỤ SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC**	
	45						Dịch vụ bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	
		451					Dịch vụ bán ô tô và xe có động cơ khác	
			4511				Dịch vụ bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	
				45111	451110		Dịch vụ bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	Loại trừ: - Dịch vụ cho thuê ô tô có kèm người lái; - Dịch vụ cho thuê ô tô.
						4511101	Dịch vụ bán buôn ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống, loại mới	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4511102	Dịch vụ bán buôn ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống, loại đã qua sử dụng	
				45119			Dịch vụ bán buôn xe có động cơ khác	
					451191		Dịch vụ bán buôn xe có động cơ khác, loại mới	
						4511911	Dịch vụ bán buôn xe có động cơ khác, loại mới, chở khách	
						4511912	Dịch vụ bán buôn xe có động cơ khác, loại mới, chở hàng hóa	
						4511919	Dịch vụ bán buôn xe có động cơ khác, loại mới, loại khác	
					451192		Dịch vụ bán buôn xe có động cơ khác, loại đã qua sử dụng	
						4511921	Dịch vụ bán buôn xe có động cơ khác, loại đã qua sử dụng, chở khách	
						4511922	Dịch vụ bán buôn xe có động cơ khác, loại đã qua sử dụng, chở hàng hóa	
						4511929	Dịch vụ bán buôn xe có động cơ khác, loại đã qua sử dụng, loại khác	
			4512	45120			Dịch vụ bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	
					451201	4512010	Dịch vụ bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) loại mới	
					451202	4512020	Dịch vụ bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) loại đã qua sử dụng	
			4513				Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	
				45131			Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	
					451311	4513110	Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống), loại mới	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					451312	4513120	Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống), loại đã qua sử dụng	
				45139	451390		Đại lý xe có động cơ khác	
						4513901	Đại lý xe có động cơ khác chở khách	
						4513902	Đại lý xe có động cơ khác chở hàng hóa	
						4513909	Đại lý xe có động cơ chuyên dụng khác	Gồm các loại ô tô chuyên dụng như: Xe bồn, xe cứu hộ, xe cứu hỏa, xe chở rác, xe quét đường, xe phun tưới, xe trộn bê tông, xe chiếu chụp X-Quang..)
		452	4520	45200			Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	
					452001	4520010	Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thông thường (trừ dịch vụ sửa chữa hệ thống điện, lốp và thân xe)	
					452002	4520020	Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện	
					452003	4520030	Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thân xe và các bộ phận (cửa, khóa, cửa sổ, sơn lại xe, sửa chữa xe do va chạm)	
					452004	4520040	Dịch vụ rửa xe, đánh bóng và dịch vụ tương tự	
		453	4530				Dịch vụ bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	
				45301			Dịch vụ bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	
					453011	4530110	Dịch vụ bán buôn săm, lốp ô tô và xe có động cơ khác	
					453019	4530190	Dịch vụ bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ khác của ô tô và xe có động cơ khác	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				45302			Dịch vụ bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	
					453021	4530210	Dịch vụ bán lẻ săm, lốp ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	
					453029	4530290	Dịch vụ bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ khác của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	
				45303			Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	
					453031	4530310	Đại lý săm, lốp của ô tô và xe có động cơ khác	
					453039	4530390	Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ khác của ô tô và xe có động cơ khác	
		454					Dịch vụ bán, bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	
			4541				Dịch vụ bán mô tô, xe máy	
				45411	454110	4541100	Dịch vụ bán buôn mô tô, xe máy	
				45412	454120	4541200	Dịch vụ bán lẻ mô tô, xe máy	
				45413	454130	4541300	Đại lý mô tô, xe máy	
			4542	45420	454200	4542000	Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	
			4543				Dịch vụ bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	
				45431	454310	4543100	Dịch vụ bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	
				45432	454320	4543200	Dịch vụ bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	
				45433	454330	4543300	Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
	46						Dịch vụ bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	
		461	4610				Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	
				46101			Đại lý hàng hóa	
					461011		Đại lý nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	
						4610111	Đại lý thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác	Gồm dịch vụ đại lý các mặt hàng như: ngũ cốc, lúa mì, thóc chưa qua xử lý chế biến
						4610112	Đại lý hoa và cây	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Cây và các bộ phận của cây được sử dụng trong quá trình chế tạo nước hoa, dược phẩm hoặc trừ sâu, diệt nấm hay các mục đích tương tự; - Hoa, nụ hoa, hạt giống hoa.
						4610113	Đại lý động vật sống	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Động vật sống, Gồm: động vật nuôi trong nhà, như: bò, trâu, cừu, dê, thỏ, chó; - Lợn (kể cả lợn rừng nuôi); - Gia cầm: gà, ngỗng, vịt, ngan, chim bồ câu, chim cút; - Cá; động vật sống dưới nước
						4610114	Đại lý thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	
						4610119	Đại lý nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					461012		Đại lý lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	
						4610121	Đại lý gạo và lương thực khác	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Gạo đã qua xử lý từ thóc; - Bột mỳ đã qua xử lý chế biến từ thóc gạo; - Bột mì đã qua xử lý chế biến từ lúa mì, lúa mạch; - Kê đã qua xử lý chế biến từ cây kê;
						4610122	Đại lý thịt gia súc và gia cầm	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Thịt gia súc tươi sống hoặc làm lạnh (trâu, bò, dê, bê, ngựa,...); - Thịt lợn, thịt thỏ tươi sống hoặc làm lạnh; - Thịt gia cầm tươi sống hoặc làm lạnh (gà, vịt, ngan, ngỗng,...); Loại trừ: - Các bộ phận của gia súc, gia cầm (lòng, ruột, gan,...) tươi sống hoặc làm lạnh, ướp lạnh - 4610129;
						4610123	Đại lý thủy sản	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Cá, tôm (cua, sò, hến, mực,....) tươi sống hoặc làm lạnh; - Cá, tôm (cua, sò, hến, mực,...) được chế biến sẵn thành khúc hoặc băm viên và bảo quản bằng đông lạnh; - Cá, tôm (cua, sò, hến, mực,...) được cắt khúc phơi khô, ướp muối hoặc ngâm muối;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Trứng cá muối ướp lạnh; - Món ăn hải sản được chế biến sẵn trong đó cá (tôm, cua, mực...) là thành phần chính; - Cá sốt các loại, đóng hộp; - Cá ngâm dầu, ngâm giấm; - Cá được tiệt trùng, khử trùng; - Cá (tôm,...) tẩm bột; cá viên, cá xay thành bột, cá đóng thành bánh, xúc xích cá; - Pa tê cá, cá hun khói
						4610124	Đại lý rau, quả	Nhóm này Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Rau lấy lá (bắp cải, súp lơ,...) tươi sống; - Rau lấy củ, lấy rễ tươi sống; - Rau, củ, quả được bảo quản lạnh; - Rau, củ, quả đóng hộp bảo quản lạnh; - Rau, củ, quả đã được chuẩn bị sẵn hoặc đã được chế biến sẵn;
						4610125	Đại lý cà phê, chè	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Cà phê hạt được lọc hết chất ca phê in hoặc được rang; - Bột cà phê, tinh chất cà phê; - Cà phê hòa tan hoặc pha, đã được lọc hết chất cà phê in hoặc chưa; - Bột cà phê đã được lọc hết chất ca phê in hoặc chưa;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Hỗn hợp cà phê (pha trộn cà phê đã được rang với vegetable fats); - Các chất pha chế cà phê: • Gồm toàn bộ hoặc một phần cà phê nguyên chất; • Gồm tinh chất cà phê, chiết xuất cà phê hoặc bột cà phê; - Các chất thay thế cà phê, tinh chất cà phê, bột cà phê được rang, Gồm: • Bột ngũ cốc, hạt dẻ, rễ rau diếp xoăn (sao và xay ra để trộn với cà phê hoặc thay cà phê), hạt quả hạnh nhân, mạch nha, đậu tương, đậu nành, v.v... - Chè xanh (chưa được lên men), chè đen đã được lên men và một phần chè được lên men, được đóng gói trong hộp không quá 3kg; - Chè nhúng các loại; - Tinh chất, chiết xuất, bột chè và các chất pha chế với nguyên liệu chính từ chè;
						4610126	Đại lý các sản phẩm đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Sữa được tiệt trùng, bảo quản lạnh (bò, dê,...); - Sữa đã được hớt váng một phần hoặc hoàn toàn; - Sữa giàu thành phần vitamin, muối khoáng hoặc thêm vào các thành phần sữa tự nhiên;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Sữa đã được peptone hóa, sữa chua,...; - Sữa đã được khôi phục lại về chất và về lượng của các chất tổng hợp; - Bánh giòn (bánh quy, bánh mì,...), bánh bít cốt, bánh mì nướng, bánh mì ướp gừng, bánh ngọt, bánh quế và bánh xốp,...; - Bánh ngọt, bánh nướng, bánh bao các loại; - Đường mía, đường từ cây củ cải đường, đường đã được tinh chế, đường viên, mật đường,...; - Kẹo ca cao đã tách bơ hoặc chưa,....; - Bột ca cao đã được tách bơ, dầu hoặc chưa,...; - Bột ca cao đã được làm bớt đắng hoặc chưa; - Kẹo cao su có đường hoặc không đường,...; - Mỳ sống các loại, mỳ ăn liền các loại,...;
						4610127	Đại lý các loại đồ uống	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Bột ca cao, nước ca cao, bột sô cô la, nước sô cô la; - Rượu có cồn, rượu mạnh, đồ uống có cồn khác,...; bia... - Rượu không cồn, rượu hoa quả các loại,..; - Nước ngọt, nước khoáng các loại,...;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4610128	Đại lý các sản phẩm thuốc lá	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Thuốc lá điếu, xì gà các loại,...; - Sợi thuốc lá,...;
						4610129	Đại lý thực phẩm khác chưa phân loại vào đâu	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Các bộ phận của gia súc, gia cầm (lòng, ruột, gan,...) tươi sống hoặc làm lạnh, ướp lạnh; Loại trừ: - Thịt gia cầm, gia súc đã được phân vào nhóm 4610122.
					461013		Đại lý vải, hàng dệt may và giầy dép	
						4610131	Đại lý chỉ khâu và vải	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Sợi tự nhiên đã được xe; - Sợi thô đã được xe, sợi bông đã được tẩy nhờn hoặc các bon hóa chưa được chải,...; - Sợi bông nhân tạo được xử lý để xe chỉ,...; - Vải cotton rộng bản, vải len, vải lụa, vải lanh nhân tạo hoặc tổng hợp;
						4610132	Đại lý ga trải giường, màn, rèm, các vật dụng phục vụ gia đình và các hàng dệt khác	Gồm: Đại lý các mặt hàng được đóng gói hoặc bán lẻ như: - Chăn, túi ngủ,...; - Khăn, ga trải giường, khăn ăn, khăn bàn hoặc bếp; - Chăn, chăn lông vịt, đệm ghế, gối và túi ngủ;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Màn, rèm, mành, ga trải giường, áo gối, tấm phủ máy móc hoặc bàn ghế; - Vải nhựa, vải dầu, lều bạt, đồ cắm trại, buồm, bạt che ô tô, che máy móc và bàn ghế; - Cờ, biểu ngữ, cờ hiệu, diềm, thảm chải sàn,...; - Vải lau bụi, khăn lau bát, chén, đĩa và các đồ tương tự, áo cứu đắm, dù,...; - Quần áo hóa trang,...; - Bao tải, túi các loại được sử dụng cho việc đóng gói hàng hóa; - Dây bện, dây thừng, dây chão, dây cáp, nút dây lưới,...; - Nhãn, mác và các nguyên vật liệu tương tự không được thêu, dải viền, dây tết từng mảnh; đồ có tính chất trang trí từng mảnh không thêu, trừ được đan, móc; quả tua, núm tua, quả ngù len dùng để trang trí và các đồ tương tự,..; - Dây đăng ten, ren, vải ren rời từng miếng...; - Đồ độn, lót (bông, len,...),..; - Sợi, chỉ bọc kim loại, sợi dây viền quần áo, cái khâu, cái móc, khuyết áo,..; - Dây ni lông dai, dây poliamit, dây pôliexte, sợi vitcô,..;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Sản phẩm sợi và các đồ sử dụng kỹ thuật (Gồm: bấc, măng xông đèn, ống phun nước, truyền hoặc dây băng tải,..;
						4610133	Đại lý hàng may mặc và phụ trợ hàng may mặc	Nhóm này gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Quần áo, y phục,..; - Các phụ kiện trang sức, đồ phụ tùng và các đồ phụ kiện khác bằng da lông thú (trừ mũ lưỡi trai, khăn trùm đầu của phụ nữ,..); - Lông nhân tạo và các đồ từ đó (trừ mũ lưỡi trai, khăn trùm đầu của phụ nữ,..);
						4610134	Đại lý giày dép	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Đồ đi ở chân có đế giầy ở ngoài và có lớp cao su, nhựa ở dưới; hoặc có lớp da hoặc các nguyên vật liệu dệt ở dưới trừ đồ thể thao, đồ được bọc kim loại ở mũi và hỗn hợp đặc biệt; - Đồ thể thao, trừ giày trượt băng; - Đồ đi ở chân khác, trừ đồ bằng amiăng, đồ chỉnh hình và giầy trượt tuyết; - Bộ phận của đồ đi ở chân; đế rời, đệm gót giày và các đồ tương tự; cái bao chân từ dưới đầu gối đến mắt cá chân, xà cạp và các đồ tương tự, và các bộ phận từ những cái đó;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					461014		Đại lý dược phẩm, dụng cụ y tế, hóa mỹ phẩm và các chế phẩm vệ sinh	
						4610141	Đại lý dược phẩm (trừ thuốc thú y)	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Thuốc tân dược; - Axit salixilic và chiết xuất muối và este của nó; - Lizin và chiết xuất muối và ester của nó; - Axit glutamic và chiết xuất muối của nó,..; - Hợp chất lactoza,..; - Đường tinh luyện, đường khác,..; - Glicozit và alkaloit thực vật và chiết xuất muối của nó,..; - Dược phẩm dùng để phòng bệnh hoặc chữa bệnh; - Dược phẩm khác; - Vật phẩm khác cho mục đích phẫu thuật hoặc dược phẩm;
						4610142	Đại lý dụng cụ y tế	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Dụng cụ y tế và chỉnh hình; dụng cụ dựa trên tia X quang hoặc tia alpha, bê ta hoặc tia gram ma; - Dụng cụ chẩn đoán mạ điện, dụng cụ chiếu siêu âm được sử dụng trong khoa nội, phẫu thuật, nha khoa hoặc khoa học thú y; - Các dụng cụ khác (ngoại trừ ống tiêm, kim tiêm và các dụng cụ tương tự) được sử dụng trong khoa học nha khoa;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Máy khử trùng y tế, phẫu thuật hoặc trong thí nghiệm; - Các dụng cụ khác được sử dụng trong y tế, phẫu thuật hoặc khoa học thú y (Gồm: ống tiêm, kim tiêm, ống thông đường tiểu, ống thông dò, dụng cụ chữa mắt và các thiết bị khác chưa được phân vào đâu và các dụng cụ điện hóa học khác chưa được phân vào đâu); - Máy trị liệu; dụng cụ mát xa; dụng cụ kiểm tra khả năng thuộc tâm lý; trị liệu bằng ozon, bằng oxy, bằng bình phun, dụng cụ hô hấp nhân tạo hoặc dụng cụ hô hấp chữa bệnh; các dụng cụ thở khác và mặt nạ phòng hơi độc (Gồm: mặt nạ bảo vệ những bộ phận y tế hoặc máy lọc có thể thay thế được); - Dụng cụ chỉnh hình; các thanh nẹp và các dụng cụ dùng cho gãy xương khác; một phần cơ thể nhân tạo; trợ thính và các dụng cụ khác được mang hoặc đeo khác hoặc được cấy dưới da để bù đắp cho các khuyết điểm hoặc sự bất lực; - Trang bị nội thất cho y tế, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y; ghế nha khoa và các loại

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								ghế tương tự có thể xoay được cũng như di chuyển ngửa được ra hoặc nâng lên được
						4610143	Đại lý thuốc thú y	
						4610144	Đại lý nước hoa, hóa mỹ phẩm và các chế phẩm vệ sinh	Gồm đại lý các mặt hàng như: - Xà phòng, các sản phẩm hoạt động bề mặt cơ bản; - Thuốc tẩy; - Nước hoa, nước thơm, dầu thơm; - Các chế phẩm vệ sinh: xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi; - Hóa mỹ phẩm: son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt, các chế phẩm chống nắng hoặc bắt nắng, các chế phẩm dùng để trang điểm móng tay hoặc móng chân, chế phẩm dùng cho tóc,..; - Chế phẩm dùng cho vệ sinh răng hoặc miệng, kể cả kem và bột làm chặt chân răng; - Các chế phẩm dùng trước, trong hoặc sau khi cạo mặt, các chất khử mùi cơ thể, các chế phẩm dùng để tắm rửa, thuốc làm rụng lông và các chế phẩm nước hoa, mỹ phẩm hoặc vệ sinh khác
					461015		Đại lý các thiết bị và đồ dùng gia đình	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4610151	Đại lý va li, cặp túi, ví, hàng da và giả da khác	
						4610152	Đại lý đồng hồ	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Đồng hồ đeo tay, đồng hồ bỏ túi và các loại đồng hồ cá nhân khác, kể cả đồng hồ bấm giờ, với vỏ làm bằng kim loại quý hay mạ kim loại quý; - Đồng hồ thời gian có lắp máy đồng hồ cá nhân, đồng hồ lắp trên bàn điều khiển phương tiện và các loại đồng hồ kiểu tương tự dùng cho xe có động cơ, máy bay, tàu vũ trụ hoặc tàu thủy; - Đồng hồ thời gian loại khác; - Thiết bị ghi thời gian và các thiết bị dùng để đo, ghi hoặc biểu thị các khoảng thời gian bằng cách khác, kèm theo máy đồng hồ thời gian và đồng hồ cá nhân hoặc kèm theo động cơ đồng bộ; - Công tắc định thời gian, có kèm theo máy đồng hồ cá nhân hoặc đồng hồ thời gian hoặc kèm theo động cơ đồng bộ; - Máy đồng hồ cá nhân, hoàn chỉnh và đã lắp ráp; - Máy đồng hồ thời gian, hoàn chỉnh và đã lắp ráp;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Máy đồng hồ thời gian hoặc đồng hồ cá nhân hoàn chỉnh, chưa lắp ráp hoặc đã lắp ráp từng phần (cụm máy); máy đồng hồ thời gian hoặc máy đồng hồ cá nhân chưa hoàn chỉnh, đã lắp ráp; máy đồng hồ thời gian hoặc máy đồng hồ cá nhân mới lắp thô; - Các bộ phận chuyển động của đồng hồ; - Các bộ phận khác của đồng hồ (như chân kính,...);
						4610153	Đại lý các thiết bị chụp ảnh, thiết bị chính xác và quang học	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Sợi quang và bó sợi quang; cáp sợi quang (ngoại trừ những thiết bị được làm từ những gói cáp quang riêng lẻ); lá, tấm, phiến nguyên vật liệu được phân cực; ống kính, lăng kính, gương và các yếu tố quang học khác (ngoại trừ thủy tinh chưa được gia công về mặt quang học), được đóng khung, được lắp táp; - Kính đeo mắt, kính bảo hộ và các loại tương tự để hiệu chỉnh, bảo vệ hoặc mục đích khác; - Khung và gọng kính đeo, kính bảo hộ hoặc tương tự và các bộ phận của chúng;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Ống nhòm loại hai mắt, ống nhòm đơn, kính thiên văn, kính viễn vọng quang học khác; thiết bị thiên văn; - Thiết bị dùng cho thiên văn vô tuyến; kính hiển vi quang học phức hợp; - Thiết bị tinh thể lỏng chưa được lắp thành các sản phẩm đã được chi tiết ở các nhóm khác; ngoại trừ thiết bị tạo tia laser trừ điốt laser và các thiết bị, dụng cụ quang học khác; - Thiết bị cho camera, máy quay phim, máy chiếu, máy phóng to hoặc máy thu nhỏ; - Thiết bị dùng cho đèn chiếu, Gồm: bóng đèn nháy; thiết bị dùng trong phòng rửa ảnh; màn ảnh của máy chiếu; - Máy đọc vi phim, vi thẻ hoặc vi bản khác, có hoặc không có khả năng sao chép; - Các tấm dùng chụp ảnh và phim chụp ảnh dạng phẳng, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng, bằng vật liệu bất kỳ trừ giấy, bìa hoặc vật liệu dệt; phim in ngay dạng phẳng, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng, đã hoặc chưa đóng gói;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Phim chụp ảnh ở dạng cuộn, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng, bằng vật liệu bất kỳ trừ giấy, bìa hoặc vật liệu dệt; phim in ngay ở dạng cuộn, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng; - Phim chụp ảnh bằng giấy, bìa và vật liệu dệt, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng; - Chế phẩm hóa chất dùng trong nhiếp ảnh (trừ vecni, keo hồ, chất kết dính và các chế phẩm tương tự); các sản phẩm chưa pha trộn dùng trong nhiếp ảnh, đã đóng gói theo định lượng hoặc đóng gói để bán lẻ ở dạng sử dụng được ngay;
						4610154	Đại lý giường, tủ, bàn ghế và đồ nột thất gia đình khác	Nhóm này Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác; - Giá sách, kệ,... bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác;
						4610155	Đại lý đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	Nhóm này Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Đèn và bộ đèn điện; - Thiết bị, dụng cụ điện dùng trong sinh hoạt gia đình như: quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, bàn là, máy sấy tóc,...;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4610156	Đại lý đồ dùng gia đình, bát đĩa, đồ thủy tinh, đồ gốm sứ	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Chai, lọ, bộ đồ ăn, đồ nhà bếp, đồ vệ sinh bằng thủy tinh,...; - Bồn rửa, bồn tắm, bệ xí,... bình xối nước và các sản phẩm phục vụ vệ sinh tương tự bằng gốm sứ,...; - Bộ đồ ăn, bộ đồ nhà bếp, đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ,...; Loại trừ: - Dao kéo, lưỡi dao cạo,... được phân vào mã 4610159
						4610157	Đại lý sách, báo, tạp chí và văn phòng phẩm	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Sách, truyện, sách giáo khoa,..; - Báo, tạp chí, bưu thiếp và ấn phẩm khác,..; - Văn phòng phẩm,...;
						4610158	Đại lý dụng cụ thể dục, thể thao	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Thiết bị, dụng cụ thể dục; - Thiết bị, dụng cụ thể thao; Loại trừ: - Quần áo thể dục, thể thao; - Giầy thể thao;
						4610159	Đại lý các thiết bị và đồ dùng gia đình khác chưa phân loại vào đâu	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Kim, chỉ khâu,...; - Ô, dù,...; - Dao, kéo,...; - Xe đạp và phụ tùng xe đạp,...;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm, hình ảnh,...; Loại trừ: - Băng đĩa trắng được phân vào mã 4610181
					461016		Đại lý vật liệu xây dựng và đồ ngũ kim dùng cho xây dựng	
						4610161	Đại lý xi măng	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Xi măng portland, xi măng nhôm, xi măng xỉ (xốp), xi măng super sulfat và xi măng chịu nước (xi măng thủy lực) tương tự, đã hoặc chưa pha màu hoặc ở dạng clanhke
						4610162	Đại lý gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Gạch xây, ngói lợp mái; - Đá, cát, sỏi các loại; Loại trừ: - Đá ốp lát, gạch lát sàn được phân vào mã 4610163;
						4610163	Đại lý gạch ốp lát, đá ốp lát và thiết bị vệ sinh	Gồm: Đại lý các mặt hàng như đá ốp lát, gạch lát sàn,...;
						4610164	Đại lý các loại giấy dán tường và phủ sàn	
						4610165	Đại lý các loại sơn, vécni và sơn mài	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Sơn, véc ni và sơn mài,...; - Bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm,...
						4610166	Đại lý đồ ngũ kim dùng cho xây dựng	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào,...; - Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác,..;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4610167	Đại lý sắt thép dùng cho xây dựng	
						4610169	Đại lý vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;
					461017		Đại lý hóa chất công nghiệp, nông nghiệp, cao su, chất dẻo	
						4610171	Đại lý hóa chất công nghiệp, cao su, chất dẻo	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Mực in, anilin, tinh dầu, khí công nghiệp,...; - Cao su nguyên liệu (cao su thiên nhiên hoặc tổng hợp); Loại trừ: - Phân bón, thuốc trừ sâu,... được phân vào mã 4610172;
						4610172	Đại lý phân bón và các sản phẩm nông hóa	
					461018		Đại lý các loại máy móc, thiết bị	
						4610181	Đại lý máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	Gồm đại lý các mặt hàng như: - Máy vi tính, thiết bị ngoại vi; - Phần mềm chuyên dụng các loại; - Phần mềm trò chơi; - Van, ống điện tử; - Thiết bị bán dẫn; - Mạch tích hợp và mạch vi xử lý; - Mạch in; - Băng, đĩa từ, băng đĩa quang (CDs, DVDs) chưa ghi (băng, đĩa trắng,..); - Thiết bị điện thoại và truyền thông; - Ti vi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4610182	Đại lý các loại máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả đồ nội thất văn phòng)	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Máy móc, thiết bị văn phòng; - Bàn, ghế, tủ văn phòng; - Máy chiếu, máy photocopy, đèn chiếu, máy hủy giấy, máy fax,..; Loại trừ: - Máy vi tính và thiết bị ngoại vi được phân vào mã 4610181
						4610183	Đại lý máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (kể cả máy kéo)	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Máy móc và thiết bị phụ tùng máy nông nghiệp; + Máy cày, bừa, máy rắc phân, máy gieo hạt, + Máy gặt lúa, máy đập lúa, + Máy vắt sữa; + Máy ấp trứng, nuôi gia cầm; + Máy cắt cỏ; + Máy kéo được sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp;
						4610184	Đại lý máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng và xây dựng dân dụng	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: Máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong khai thác than đá, quặng, khai thác dầu khí như máy khoan, máy nghiền sáng, máy nén,...
						4610185	Đại lý các loại máy móc và thiết bị chuyên dụng cho công nghiệp và các thiết bị vận hành có liên quan	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Máy móc, thiết bị dùng cho công xưởng hoặc cho phòng thí nghiệm

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Máy cán, máy ép,..; - Máy dùng trong công nghiệp thực phẩm, đồ uống và thuốc lá như: máy tách kem, máy chế biến sữa, máy dùng trong công nghiệp xay xát,..; - Hệ thống ròng rọc, hệ tời, kích các loại,..; - Cần cẩu của tàu thủy, cần trục, khung thang nâng di động, xe chuyên chở kiểu khung đỡ cột chống và xe công xưởng có lắp cần cẩu
						4610189	Đại lý các loại máy móc và thiết bị khác chưa được phân vào đâu	Gồm: Đại lý các loại máy móc, thiết bị khác không thuộc các nhóm trên.
					461019		Đại lý các sản phẩm khác	
						4610191	Đại lý nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	Gồm: Đại lý các mặt hàng Gồm: - Than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, napha; - Dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa,..; - Khí dầu mỏ, khí butan và proban đã hóa lỏng; - Dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế.
						4610192	Đại lý sắt thép loại khác (trừ sắt thép dùng cho xây dựng)	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - gang thỏi không hợp kim; gang thỏi hợp kim; gang thỏi giàu mangan, hợp kim sắt - cacbon chứa trên 6%

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								nhưng không quá 30% mangan tính theo trọng lượng dạng khối hoặc dạng cơ bản khác dạng thỏi, dạng khối hoặc dạng thô khác; - Sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: phôi thép, thỏi, thanh, tấm, lá, dải, cuộn, sắt thép dạng hình (chữ T, chữ L,...);
						4610193	Đại lý kim loại và quặng kim loại (trừ sắt thép)	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Đồng, chì, nhôm, kẽm, thiếc dạng thanh que, dạng hình, tấm, lá, dải và lá mỏng,... Loại trừ: - Đồ dùng bằng kim loại
						4610194	Đại lý gỗ, tre, nứa chưa chế biến	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: Gỗ, tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến dạng khúc, thanh nhỏ, cành, bó hoặc các dạng tương tự;
						4610195	Đại lý giấy và bìa các tông	Gồm: Đại lý các mặt hàng như: - Giấy in báo, dạng cuộn hoặc tờ; - Giấy và các tông không tráng dùng để in, làm thẻ; - Giấy vệ sinh hoặc giấy dùng làm giấy lụa lau mặt, giấy khăn ăn,...; - Giấy và các tông không tráng khác; - Giấy và các tông bồi; - Giấy và các tông làn sóng; - Giấy than, giấy tự copy,...;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4610199	Đại lý khoáng sản thiên nhiên và các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu	Gồm: Đại lý các mặt hàng khoáng sản thiên nhiên chưa được phân loại ở trên.
				46102	461020	4610200	Dịch vụ môi giới mua bán hàng hóa	Gồm các dịch vụ liên quan đến hoạt động môi giới các loại hàng hóa. Loại trừ: Các dịch vụ liên quan đến hoạt động môi giới bảo hiểm, môi giới mua bán bất động sản được phân vào mã
				46103	461030	4610300	Đấu giá hàng hóa	Gồm các dịch vụ liên quan đến hoạt động đấu giá các loại hàng hóa. Loại trừ: Các dịch vụ liên quan đến các hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất được phân vào mã 682000
		462	4620				Dịch vụ bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	
				46201			Dịch vụ bán buôn thóc, ngô, lúa mì, ngũ cốc	
					462011		Dịch vụ bán buôn thóc	
						4620111	Dịch vụ bán buôn thóc giống	
						4620119	Dịch vụ bán buôn thóc khác	
					462012		Dịch vụ bán buôn ngô, lúa mì, hạt ngũ cốc khác	
						4620121	Dịch vụ bán buôn ngô, lúa mì, ngũ cốc giống	
						4620129	Dịch vụ bán buôn ngô, lúa mì, ngũ cốc khác	
				46202			Dịch vụ bán buôn hoa và cây	
					462021	4620210	Dịch vụ bán buôn hoa và cây giống	
					462029	4620290	Dịch vụ bán buôn hoa và cây khác	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				46203			Dịch vụ bán buôn động vật sống, kể cả động vật nuôi làm cảnh.	
					462031		Dịch vụ bán buôn động vật giống	
						4620311	Dịch vụ bán buôn con giống thủy sản	
						4620319	Dịch vụ bán buôn động vật giống khác	
					462039		Dịch vụ bán buôn động vật sống khác (trừ loại để làm giống)	
						4620391	Dịch vụ bán buôn động vật cảnh	Gồm: Dịch vụ bán buôn động vật cảnh như: chó, mèo, chim...
						4620399	Dịch vụ bán buôn động vật sống khác (trừ động vật cảnh)	Gồm: Dịch vụ bán buôn động vật sống khác (trừ động vật cảnh) như: trâu, bò, cừu, dê,...
				46204	462040	4620400	Dịch vụ bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	
				46209			Dịch vụ bán buôn hàng nông lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre nứa)	
					462091		Dịch vụ bán buôn hạt, quả có dầu	
						4620911	Dịch vụ bán buôn hạt, quả có dầu dùng để làm giống	Gồm: Dịch vụ bán buôn hạt, quả có dầu dùng để làm giống như: ngũ cốc, quả và hạt có dầu, hạt giống hoa, hạt giống quả, hạt giống rau,...
						4620919	Dịch vụ bán buôn hạt, quả có dầu (trừ loại dùng để làm giống)	
					462092	4620920	Dịch vụ bán buôn thuốc lá lá, lá thuốc lào	Gồm: Dịch vụ bán buôn: - Thuốc lá chưa chế biến; - Thuốc lá đã chế biến và các chất thay thế thuốc lá lá đã chế biến khác;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					462093	4620930	Dịch vụ bán buôn da sống và bì sống	Gồm: Dịch vụ bán buôn: - Da sống đã khử lông hoặc lạng xẻ của động vật các loại; - Da sống đã được gia công, chế biến sau khi thuộc hoặc làm mộc của động vật các loại
					462094	4620940	Dịch vụ bán buôn da thuộc	Gồm: Dịch vụ bán buôn: - Da thuộc chưa thành phẩm, bán thành phẩm và thành phẩm;
					462099	4620990	Dịch vụ bán buôn hàng nông sản khác (trừ giống cây trồng) chưa được phân vào đâu	Gồm: Dịch vụ bán buôn hàng nông sản khác (trừ giống cây trồng) chưa được phân vào các mã trên
		463					Dịch vụ bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	
			4631	46310	463100	4631000	Dịch vụ bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	
			4632				Dịch vụ bán buôn thực phẩm	
				46321			Dịch vụ bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt	
					463211	4632110	Dịch vụ bán buôn thịt và nội tạng dạng thịt	Gồm: Dịch vụ bán buôn thịt và nội tạng dạng thịt có thể ăn được của gia súc, gia cầm. - Thịt gia súc tươi sống hoặc làm lạnh (trâu, bò, dê,...); - Thịt lợn, thịt thỏ tươi sống hoặc làm lạnh; - Thịt gia cầm tươi sống hoặc làm lạnh (gà, vịt, ngan, ngỗng,...); Loại trừ: - Các sản phẩm chế biến từ thịt và nội tạng thịt (lòng, ruột, gan,...) tươi sống hoặc làm lạnh, ướp lạnh - 4632120.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					463212	4632120	Dịch vụ bán buôn các sản phẩm chế biến từ thịt và nội tạng dạng thịt	Gồm: Dịch vụ bán buôn các sản phẩm chế biến từ thịt và nội tạng dạng thịt như: - Thịt lợn ướp muối, sấy khô hoặc hun khói (thịt lợn muối hoặc giăm bông); - Thịt bò muối, sấy khô hoặc hun khói; - Thịt khác có thể ăn được, ướp muối, ngâm muối, sấy khô hoặc hun khói (loại trừ thịt lợn, thịt bò); thịt xay; - Xúc xích và các sản phẩm tương tự; - Thịt viên,...; Loại trừ: Dịch vụ bán buôn gia súc, gia cầm sống được phân vào mã 46203.
				46322			Dịch vụ bán buôn thủy sản	
					463221	4632210	Dịch vụ bán buôn thủy sản tươi, đông lạnh	Gồm: Dịch vụ bán buôn thủy sản tươi, đông lạnh như: - Cá, tôm (cua, sò, hến, mực,....) tươi sống hoặc làm lạnh; - Cá, tôm (cua, sò, hến, mực,...) được chế biến sẵn thành khúc hoặc băm viên và bảo quản bằng đông lạnh; - Cá, tôm (cua, sò, hến, mực,...) được cắt khúc phơi khô, ướp muối hoặc ngâm muối; - Trứng cá muối ướp lạnh; - Món ăn hải sản được chế biến sẵn trong đó cá (tôm, cua, mực...) là thành phần chính;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Cá xốt các loại, đóng hộp; - Cá ngâm dầu, ngâm giấm; - Cá được tiệt trùng, khử trùng; - Cá (tôm,...) tẩm bột; cá viên, cá xay thành bột, cá đóng thành bánh, xúc xích cá; - Pa tê cá, cá hun khói
					463222	4632220	Dịch vụ bán buôn nước mắm	
					463223	4632230	Dịch vụ bán buôn thủy sản khô và chế biến khác	Gồm: Dịch vụ bán buôn thủy sản khô và chế biến khác chưa được phân loại ở trên.
				46323			Dịch vụ bán buôn rau, quả	
					463231	4632310	Dịch vụ bán buôn rau, quả tươi, đông lạnh	Gồm: Dịch vụ bán buôn rau, quả tươi, đông lạnh như: - Rau lấy lá (bắp cải, súp lơ,...) tươi sống; - Rau lấy củ, lấy rễ tươi sống; - Rau, củ, quả được bảo quản lạnh; - Rau, củ, quả đóng hộp bảo quản lạnh
					463232	4632320	Dịch vụ bán buôn rau, quả chế biến	Gồm: Dịch vụ bán buôn rau, quả chế biến như: Rau, củ, quả đã được chuẩn bị sẵn hoặc đã được chế biến sẵn
				46324			Dịch vụ bán buôn cà phê	
					463241	4632410	Dịch vụ bán buôn cà phê hạt chưa rang	
					463242	4632420	Dịch vụ bán buôn cà phê hạt đã rang, cà phê bột	Gồm: Dịch vụ bán buôn cà phê hạt đã rang, cà phê bột như: - Cà phê hạt được lọc hết chất ca phê in hoặc được rang;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Bột cà phê, tinh chất cà phê; - Cà phê hòa tan hoặc pha, đã được lọc hết chất ca phê in hoặc chưa; - Bột cà phê đã được lọc hết chất ca phê in hoặc chưa; - Hỗn hợp cà phê (pha trộn cà phê đã được rang với vegetable fats); - Các chất pha chế cà phê: • Gồm toàn bộ hoặc một phần cà phê nguyên chất; • Gồm tinh chất cà phê, chiết xuất cà phê hoặc bột cà phê; - Các chất thay thế cà phê, tinh chất cà phê, bột cà phê được rang, Gồm: • Bột ngũ cốc, hạt dẻ, rễ rau diếp xoăn (sao và xay ra để trộn với cà phê hoặc thay cà phê), hạt quả hạnh nhân, mạch nha, đậu tương, đậu nành, v.v....
				46325			Dịch vụ bán buôn chè	
					463251	4632510	Dịch vụ bán buôn chè chưa chế biến	
					463252	4632520	Dịch vụ bán buôn chè đã chế biến	Gồm các dịch vụ bán buôn chè đã chế biến như: - Chè xanh (chưa được lên men), chè đen đã được lên men và một phần chè được lên men, được đóng gói trong hộp không quá 3kg; - Chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc từ chè hoặc chè Paragoay

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								và các chế phẩm có thành phần cơ bản là các chất trên hoặc có thành phần cơ bản từ chè hoặc chè Paragoay; - Chè nhúng các loại; - Tinh chất, chiết xuất, bột chè và các chất pha chế với nguyên liệu chính từ chè
				46326			Dịch vụ bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	
					463261	4632610	Dịch vụ bán buôn đường	Gồm dịch vụ bán buôn đường như: đường mía, đường từ cây củ cải đường, đường đã được tinh chế, đường viên, mật đường,...
					463262	4632620	Dịch vụ bán buôn sữa và các sản phẩm sữa	Gồm dịch vụ bán buôn sữa như: - Sữa được tiệt trùng, bảo quản lạnh (bò, dê,...); - Sữa đã được hớt váng một phần hoặc hoàn toàn; - Sữa giàu thành phần vitamin, muối khoáng hoặc thêm vào các thành phần sữa tự nhiên; - Sữa đã được peptone hóa, sữa chua,...; - Sữa đã được khôi phục lại về chất và về lượng của các chất tổng hợp; - Bánh sữa các loại;
					463263	4632630	Dịch vụ bán buôn bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	Gồm dịch vụ bán buôn bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột như:

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Bánh giòn (bánh quy, bánh mì,...), bánh bít cốt, bánh mì nướng, bánh mì ướp gừng, bánh ngọt, bánh quế và bánh xốp,...; - Bánh ngọt, bánh nướng, bánh bao các loại;
				46329			Dịch vụ bán buôn thực phẩm khác	
					463291	4632910	Dịch vụ bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng	Gồm các dịch vụ bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng như trứng tươi nguyên vỏ hoặc đã được bảo quản, nấu chín,...
					463292	4632920	Dịch vụ bán buôn dầu mỡ động thực vật	Gồm các dịch vụ bán buôn dầu mỡ động, thực vật như: - Mỡ trâu, bò, cừu, dê, lợn và gia cầm còn sống hoặc đã rán; - Dầu mỡ động, thực vật thô và đã tinh chế; - Dầu đậu tương, lạc, ô liu, hướng dương, hoa rum, hạt bông, hạt cải dầu và dầu mù tạc, thô; - Dầu cọ, dầu dừa, dầu hạt cọ, dầu babassu và dầu hạt lạnh thô; - Dầu đỗ tương, lạc, ô liu, hướng dương, hoa rum, hạt bông, hạt cải dầu, mù tạc và các thành phần của chúng, đã tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hóa học; những dầu khác chế biến từ dầu ô liu, dầu vừng và các thành phần của chúng, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hóa học;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Dầu ngũ cốc (ngô) và các thành phần của nó, không thay đổi thành phần hóa học; - Dầu cọ, dầu dừa, dầu hạt cọ, dầu babassu, dầu hạt lạnh và các thành phần của chúng, đã tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hóa học; dầu thầu dầu, dầu tung, dầu jojoba, dầu và mỡ thực vật đông đặc (loại trừ dầu ngô) và các thành phần của chúng chưa được phân vào đâu, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hóa học; - Margarin (bơ thực vật) và những chế phẩm tương tự; - Dầu và mỡ động, thực vật và các thành phần của chúng, đã qua hydro hóa, este hóa liên hợp, tái este hóa hoặc eledin hóa toàn bộ hoặc từng phần, đã hoặc chưa tinh chế nhưng chưa chế biến thêm;
					463293	4632930	Dịch vụ bán buôn hạt tiêu và gia vị khác	Gồm các dịch vụ bán buôn như: - Nước xốt, đồ gia vị hỗn hợp; - Bột mịn và bột thô từ hạt mù tạc; - Mù tạc đã được chế biến; - Dấm và các chất thay dấm được chế biến từ axit axetic;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					463299	4632990	Dịch vụ bán buôn thực phẩm khác chưa phân vào đâu	Gồm dịch vụ bán buôn các thực phẩm khác còn lại chưa được phân vào đâu như: các chế phẩm thuần nhất từ thịt, rau, quả và hạt; các chế phẩm từ sữa, bột min, bột thô, tinh bột hoặc chiết xuất từ mạch nha dùng cho trẻ thơ chưa được phân vào đâu; các chế phẩm thức ăn tổng hợp chế biến thuần nhất
			4633				Dịch vụ bán buôn đồ uống	
				46331			Dịch vụ bán buôn đồ uống có cồn	
					463311	4633110	Dịch vụ bán buôn rượu	Gồm dịch vụ bán buôn rượu như: - Rượu etylic chưa bị làm biến tính nồng độ còn từ 80% trở lên; - Rượu etylic và các rượu mạnh khác đã bị biến tính ở mọi nồng độ; - Rượu etylic chưa bị làm biến tính có nồng độ cồn dưới 80%; Rượu mạnh, rượu mùi và các đồ uống có rượu khác; Hợp chất có cồn được dùng để sản xuất đồ uống; - Rượu vang nho tươi có ga nhẹ; - Rượu vang nho tươi loại trừ rượu vang có ga nhẹ; hèm rượu; - Rượu vermourth và rượu vang khác làm từ nho đã pha thêm hương vị bằng thảo mộc hoặc chất thơm khác;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Rượu táo, rượu lê, rượu mật ong và các đồ uống lên men khác loại trừ rượu nho tươi và bia sản xuất từ mạch nha; - Rượu mạch nha và mạch nha;
					463312	4633120	Dịch vụ bán buôn bia	
				46332	463320	4633200	Dịch vụ bán buôn đồ uống không có cồn	Gồm dịch vụ bán buôn đồ uống không cồn như: - Nước ngọt, nước khoáng, nước có gas,...; - Nước quả ép, nước rau ép;
			4634	46340	463400	4634000	Dịch vụ bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	Gồm dịch vụ bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào như: xì gà, xì gà xén hai đầu, xì gà nhỏ và thuốc lá điếu chế biến từ lá thuốc lá hoặc các chất thay thế thuốc lá lá; Thuốc lá lá đã chế biến và các chất thay thế thuốc lá lá.
		464					Dịch vụ bán buôn đồ dùng gia đình	Nhóm này gồm dịch vụ bán buôn đồ dùng gia đình, kể cả hàng dệt.
			4641				Dịch vụ bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	Nhóm này gồm dịch vụ bán buôn hàng dệt, quần áo và hàng quần áo may sẵn khác, giày dép,...
				46411	464110	4641100	Dịch vụ bán buôn vải	Nhóm này gồm dịch vụ bán buôn vải như: - Các loại vải dệt từ sợi dệt tự nhiên; - Các loại vải dệt từ sợi bông; - Các loại vải dệt từ sợi filament tổng hợp hoặc sợi staple nhân tạo; - Các loại vải đặc biệt khác;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				46412	464120	4641200	Dịch vụ bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác	Gồm dịch vụ bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác như: - Chăn, túi ngủ,...; - Khăn, ga trải giường, khăn ăn, khăn bàn hoặc bếp; - Chăn, chăn lông vịt, đệm ghế, gối và túi ngủ; - Màn, rèm, mành, ga trải giường, áo gối, tấm phủ máy móc hoặc bàn ghế; - Vải nhựa, vải dầu, lều bạt, đồ cắm trại, buồm, bạt che ô tô, che máy móc và bàn ghế; - Cờ, biểu ngữ, cờ hiệu, diềm, thảm chải sàn,...; - Vải lau bụi, khăn lau bát, chén, đĩa và các đồ tương tự, áo cứu đắm, dù,...; - Quần áo hóa trang,...; - Bao tải, túi các loại được sử dụng cho việc đóng gói hàng hóa; - Dây bện, dây thừng, dây chão, dây cáp, nút dây lưới,...; - Nhãn, mác và các nguyên vật liệu tương tự không được thêu, dải viền, dây tết từng mảnh; đồ có tính chất trang trí từng mảnh không thêu, trừ được đan, móc; quả tua, núm tua, quả ngù len dùng để trang trí và các đồ tương tự,..; - Dây đăng ten, ren, vải ren rời từng miếng...;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Đồ độn, lót (bông, len,...),..; - Sợi, chỉ bọc kim loại, sợi dây viền quần áo, cái khâu, cái móc, khuyết áo,..; - Dây ni lông dai, dây poliamit, dây pôliexte, sợi vitcô,..; - Sản phẩm sợi và các đồ sử dụng kỹ thuật (Gồm: bấc, măng xông đèn, ống phun nước, truyền hoặc dây băng tải,..; - Chỉ khâu, chỉ thêu và hàng dệt khác;
				46413	464130	4641300	Dịch vụ bán buôn hàng may mặc	Gồm: Dịch vụ bán buôn hàng may mặc như: - Quần áo mặc ngoài loại trừ quần áo lông thú, kể cả quần áo thể thao, cho nam giới và trẻ em trai; - Quần áo mặc ngoài loại trừ quần áo lông thú, kể cả quần áo thể thao, cho phụ nữ và trẻ em gái; - Đồ phụ trợ hàng may mặc như: Khăn quàng cổ, găng tay, tất, cravat,...;
				46414	464140	4641400	Dịch vụ bán buôn giày dép	Gồm: Dịch vụ bán buôn giày dép bằng mọi loại chất liệu và các bộ phận của giày dép; miếng lót của giầy dép có thể tháo rời gót giầy và các sản phẩm tương tự; ghệt, ống giày và các sản phẩm tương tự và các sản phẩm của nó

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
			4649				Dịch vụ bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	
				46491	464910	4649100	Dịch vụ bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác	Gồm: Dịch vụ bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác như: - Túi, vali để đựng đồ đạc, túi sách tay và các loại tương tự,..; - Bộ đồ yên cương; - Các đồ bằng da khác như: thắt lưng, dây đeo đồng hồ (trừ loại bằng kim loại); - Đồ dùng cho du lịch bằng da hoặc giả da khác,..;
				46492			Dịch vụ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	
					464921	4649210	Dịch vụ bán buôn dược phẩm (trừ thuốc thú y)	Gồm dịch vụ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế như: - Thuốc tân dược; - Axit salixilic và chiết xuất muối và este của nó; - Lizin và chiết xuất muối và ester của nó; - Axit glutamic và chiết xuất muối của nó,..; - Hợp chất lactoza,..; - Đường tinh luyện, đường khác,..; - Glicozit và alkaloit thực vật và chiết xuất muối của nó,..; - Dược phẩm dùng để phòng bệnh hoặc chữa bệnh; - Dược phẩm khác; - Vật phẩm khác cho mục đích phẫu thuật hoặc dược phẩm;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					464922	4649220	Dịch vụ bán buôn dụng cụ y tế	Gồm dịch vụ bán buôn dụng cụ y tế như: - Dụng cụ y tế và chỉnh hình; dụng cụ dựa trên tia X quang hoặc tia alpha, bê ta hoặc tia gram ma; - Dụng cụ chẩn đoán mạ điện, dụng cụ chiếu siêu âm được sử dụng trong khoa nội, phẫu thuật, nha khoa hoặc khoa học thú y; - Các dụng cụ khác (Gồm: ống tiêm, kim tiêm và các dụng cụ tương tự) được sử dụng trong khoa học nha khoa; - Các dụng cụ khác được sử dụng trong y tế, phẫu thuật hoặc khoa học thú y (Gồm: ống tiêm, kim tiêm, ống thông đường tiểu, ống thông dò, dụng cụ chữa mắt và các thiết bị khác chưa được phân vào đâu và các dụng cụ điện hóa học khác chưa được phân vào đâu); - Dụng cụ chỉnh hình; các thanh nẹp và các dụng cụ dùng cho gãy xương khác; một phần cơ thể nhân tạo; trợ thính và các dụng cụ khác được mang hoặc đeo khác hoặc được cấy dưới da để bù đắp cho các khuyết điểm hoặc sự bất lực; - Trang bị nội thất cho y tế, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y; ghế

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								nha khoa và các loại ghế tương tự có thể xoay được cũng như di chuyển ngửa được ra hoặc nâng lên được;
					464923	4649230	Dịch vụ bán buôn thuốc thú y	
				46493	464930	4649300	Dịch vụ bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	Gồm dịch vụ bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh như: - Xà phòng, các sản phẩm hoạt động bề mặt cơ bản; - Thuốc tẩy; - Nước hoa, nước thơm, dầu thơm; - Các chế phẩm vệ sinh: xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi; - Hóa mỹ phẩm: son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt, các chế phẩm chống nắng hoặc bắt nắng, các chế phẩm dùng để trang điểm móng tay hoặc móng chân, chế phẩm dùng cho tóc,..; - Chế phẩm dùng cho vệ sinh răng hoặc miệng, kể cả kem và bột làm chặt chân răng; - Các chế phẩm dùng trước, trong hoặc sau khi cạo mặt, các chất khử mùi cơ thể, các chế phẩm dùng để tắm rửa, thuốc làm rụng lông và các chế phẩm nước hoa, mỹ phẩm hoặc vệ sinh khác

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				46494	464940	4649400	Dịch vụ bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh	Gồm dịch vụ bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh như: - Đồ gốm, sứ, thủy tinh dùng trong gia đình và đồ gốm dùng để trang trí; - Các bức tượng gốm, sứ, thủy tinh nhỏ; - Đồ gốm, sứ, thủy tinh dùng để cách ly (cách điện,...)
				46495	464950	4649500	Dịch vụ bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	Gồm dịch vụ bán buôn đồ điện dân dụng, đèn và bộ đèn điện như: - Đèn, các thiết bị điện và các bộ phận của chúng; - Máy điều hòa, quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, bàn là, máy sấy tóc,...;
				46496			Dịch vụ bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	
					464961	4649610	Dịch vụ bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự bằng gỗ	Gồm dịch vụ bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự bằng gỗ như: - Giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ; - Giá sách, kệ,... bằng gỗ;
					464969	4649690	Dịch vụ bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự bằng vật liệu khác	Gồm dịch vụ bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự bằng vật liệu khác (song, mây,..)
				46497			Dịch vụ bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	
					464971	4649710	Dịch vụ bán buôn sách, báo, tạp chí	Gồm dịch vụ bán buôn sách, báo, tạp chí như:

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Các loại sách in, tờ in rời (loại trừ ấn phẩm quảng cáo), bản đồ, từ điển, bách khoa toàn thư; - Các loại báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ, xuất bản ít hơn 1 lần trong tháng; - Các loại báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ, xuất bản ít nhất 1 lần trong tháng;
					464972	4649720	Dịch vụ bán buôn văn phòng phẩm	Gồm dịch vụ bán buôn văn phòng phẩm như: - Tem, mẫu séc, giấy chứng nhận các loại, bưu thiếp, ấn phẩm quảng cáo; đề can,...; - Sổ đăng ký, sổ sách kế toán, sổ ghi chép, quyển biên lai, nhật ký và các sản phẩm tương tự; - Giấy thấm, bìa đóng giấy, bìa hồ sơ, tờ khai và những sản phẩm văn phòng khác bằng giấy hoặc bìa giấy; - Các sản phẩm văn phòng khác (bút viết, bút chì, bảng các loại, phấn vẽ,...;
				46498	464980	4649800	Dịch vụ bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	Gồm dịch vụ bán buôn dụng cụ, thiết bị thể dục, thể thao, Gồm: thuyền thể thao, du lịch giải trí
				46499			Dịch vụ bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	
					464991	4649910	Dịch vụ bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					464992		Dịch vụ bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức	
						4649921	Dịch vụ bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường	
						4649922	Dịch vụ bán buôn đồ trang sức	Gồm dịch vụ bán buôn đồ trang sức như: ngọc trai, kim cương, đồ kim hoàn và các sản phẩm bằng kim loại quý.
					464993	4649930	Dịch vụ bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh	Gồm dịch vụ bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh như: - Kính đeo mắt, kính bảo hộ và các loại tương tự để hiệu chỉnh, bảo vệ hoặc mục đích khác; - Khung và gọng kính đeo, kính bảo hộ hoặc tương tự và các bộ phận của chúng; - Ống nhòm loại hai mắt, ống nhòm đơn, kính thiên văn, kính viễn vọng quang học khác; thiết bị thiên văn; - Máy đọc vi phim, vi thẻ hoặc vi bản khác, có hoặc không có khả năng sao chép; - Các tấm dùng chụp ảnh và phim chụp ảnh dạng phẳng, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng, bằng vật liệu bất kỳ trừ giấy, bìa hoặc vật liệu dệt; phim in ngay dạng phẳng, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng, đã hoặc chưa đóng gói;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Phim chụp ảnh ở dạng cuộn, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng, bằng vật liệu bất kỳ trừ giấy, bìa hoặc vật liệu dệt; phim in ngay ở dạng cuộn, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng; - Phim chụp ảnh bằng giấy, bìa và vật liệu dệt, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng; - Chế phẩm hóa chất dùng trong nhiếp ảnh (trừ vecni, keo hồ, chất kết dính và các chế phẩm tương tự); các sản phẩm chưa pha trộn dùng trong nhiếp ảnh, đã đóng gói theo định lượng hoặc đóng gói để bán lẻ ở dạng sử dụng được ngay
					464994	4649940	Dịch vụ bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm, hình ảnh	
					464995		Dịch vụ bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi	
						4649951	Dịch vụ bán buôn nhạc cụ	Gồm dịch vụ bán buôn nhạc cụ như: Đàn piano, nhạc cụ có dây, nhạc cụ hơi, nhạc cụ mà âm thanh của nó được tạo ra hoặc phải khuyếch đại bằng điện, nhạc cụ khác,...
						4649952	Dịch vụ bán buôn sản phẩm đồ chơi	Gồm dịch vụ bán buôn sản phẩm đồ chơi như: Búp bê, đồ chơi tàu điện, tàu hỏa,..; các đồ chơi đố trí, các đồ chơi khác,...

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4649953	Dịch vụ bán buôn sản phẩm trò chơi	Gồm dịch vụ bán buôn sản phẩm trò chơi như: Trò chơi video loại dùng với máy vô tuyến,...
					464996	4649960	Dịch vụ bán buôn dao, kéo	
					464999	4649990	Dịch vụ bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	Gồm dịch vụ bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân loại ở trên
		465					Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy	
			4651	46510	465100	4651000	Dịch vụ bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	Gồm dịch vụ bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm như: - Máy vi tính, thiết bị ngoại vi; - Phần mềm chuyên dụng các loại; - Phần mềm trò chơi; - Van, ống điện tử; - Thiết bị bán dẫn; - Mạch tích hợp và mạch vi xử lý; - Mạch in; - Thiết bị điện thoại và truyền thông; - Ti vi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến;
			4652	46520	465200	4652000	Dịch vụ bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	Gồm dịch vụ bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông như: - Các thiết bị truyền dẫn của đài, ti vi, máy quay; - Các thiết bị điện tử dùng cho hệ thống điện thoại hoặc điện tín; - Ăng ten, hệ thống báo cháy,...;
			4653	46530	465300		Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4653001	Dịch vụ bán buôn máy cắt cỏ	
						4653002	Dịch vụ bán buôn máy kéo được sử dụng trong nông lâm nghiệp	
						4653009	Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp khác	
			4659				Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	
				46591	465910	4659100	Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	Gồm dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng như: - Máy ủi đất lưỡi thẳng, máy ủi đất lưỡi nghiêng, máy san đất, máy cạp đất, máy xúc ủi đất cơ khí, máy đào đất, máy chở đất có gàu tự xúc, máy đầm và lu lăn đường, loại tự hành; - Máy ủi xúc dọn, cào, san, cạp, đào,... dùng trong công việc về đất; - Máy đóng cọc và nhổ cọc; máy xới tuyết và dọn tuyết; - Máy phân loại, sàng lọc, phân tích, rửa, nghiền, xay, trộn hoặc nhào đất, đá,...;
				46592	465920	4659200	Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	Gồm dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) như: - Động cơ điện, máy phát điện và các loại tương tự; - Biến thế, máy nắn dòng tĩnh và bộ cảm điện;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Thiết bị kiểm tra và phân phối điện và bộ phận của chúng; - Dây và cáp cách điện, cáp sợi quang; - Ắc qui, bộ pin và các loại và bộ phận của chúng; - Đèn điện dây tóc hoặc đèn phóng điện; đèn hồ quang, thiết bị chiếu sáng và bộ phận của chúng; - Thiết bị điện khác và bộ phận của chúng;
				46593	465930	4659300	Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày	Nhóm này gồm dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày như: - Máy dùng để chuẩn bị dệt, xe sợi, dệt vải và dệt kim,..; - Máy dùng để sản xuất hàng dệt,..; - Máy dùng để sơ chế, thuộc hoặc chế biến da sống, da thuộc hoặc máy để sản xuất sửa chữa giày dép và các sản phẩm khác từ da sống hoặc da thuộc, loại trừ máy khâu
				46594			Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	
					465941	4659410	Dịch vụ bán buôn thiết bị văn phòng	
					465949	4659490	Dịch vụ bán buôn máy và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	Gồm dịch vụ bán buôn máy móc, phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) như:

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Máy đóng sách; - Máy sắp chữ; - Máy in, máy hủy giấy, máy fax,...; - Máy tính; - Máy photocopy; - Phụ tùng và bộ phận phụ trợ của các loại máy kể trên,..;
				46595	465950	4659500	Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị y tế	Gồm dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị y tế như: - Thiết bị y tế và phẫu thuật; - Các dụng cụ khác (ngoại trừ ống tiêm, kim tiêm và các dụng cụ tương tự) được sử dụng trong khoa học nha khoa; - Máy khử trùng y tế, phẫu thuật hoặc trong thí nghiệm; - Các dụng cụ khác được sử dụng trong y tế, phẫu thuật hoặc khoa học thú y (không Gồm: ống tiêm, kim tiêm, ống thông đường tiểu, ống thông dò, dụng cụ chữa mắt và các thiết bị khác chưa được phân vào đâu và các dụng cụ điện hóa học khác chưa được phân vào đâu); - Máy trị liệu; dụng cụ mát xa; dụng cụ kiểm tra khả năng thuộc tâm lý; trị liệu bằng ozon, bằng oxy, bằng bình phun, dụng cụ hô hấp nhân tạo hoặc dụng cụ hô hấp chữa bệnh; các dụng cụ thở khác và

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								mặt nạ phòng hơi độc (Gồm: mặt nạ bảo vệ những bộ phận y tế hoặc máy lọc có thể thay thế được); - Máy sử dụng tia phóng xạ X quang, tia anpha, bêta hoặc gramma; - Máy chẩn đoán dùng điện và máy tia cực tím hoặc tia hồng ngoại, dùng trong kỹ thuật ngành y phẫu thuật nha khoa hoặc thú y
				46599	465990	4659900	Dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	Gồm dịch vụ bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân loại ở trên
		466					Dịch vụ bán buôn chuyên doanh khác	
			4661				Dịch vụ bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	
				46611			Dịch vụ bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác	
					466111	4661110	Dịch vụ bán buôn than đá	
					466112	4661120	Dịch vụ bán buôn nhiên liệu rắn khác	
				46612	466120	4661200	Dịch vụ bán buôn dầu thô	
				46613			Dịch vụ bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	
					466131	4661310	Dịch vụ bán buôn xăng	
					466132	4661320	Dịch vụ bán buôn dầu diesel	
					466139	4661390	Dịch vụ bán buôn dầu khác và các sản phẩm liên quan	
				46614	466140	4661400	Dịch vụ bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	
			4662				Dịch vụ bán buôn kim loại và quặng kim loại	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				46621	466210	4662100	Dịch vụ bán buôn quặng kim loại	Gồm dịch vụ bán buôn quặng kim loại như: - Quặng, sắt,..; - Quặng đồng, chì, nhôm, kẽm và quặng kim loại màu khác,..;
				46622	466220	4662200	Dịch vụ bán buôn sắt, thép	Gồm dịch vụ bán buôn sắt, thép như: - Gang thỏi, gang thỏi không hợp kim; gang thỏi hợp kim; gang thỏi giàu mangan, hợp kim sắt - cacbon chứa trên 6% nhưng không quá 30% mangan tính theo trọng lượng dạng khối hoặc dạng cơ bản khác; - Sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: phôi thép, thỏi, thanh, tấm, lá, dải, sắt thép dạng hình (chữ T, chữ L,...)
				46623			Dịch vụ bán buôn kim loại khác	
					466231	4662310	Dịch vụ bán buôn đồng	
					466232	4662320	Dịch vụ bán buôn nhôm	
					466239	4662390	Dịch vụ bán buôn kim loại khác chưa phân loại vào đâu	Gồm dịch vụ bán buôn kim loại khác chưa được phân loại ở trên
				46624			Dịch vụ bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác	
					466241	4662410	Dịch vụ bán buôn vàng	Gồm dịch vụ bán buôn vàng như: vàng dạng bột, vảy, thanh, thỏi,..
					466249	4662490	Dịch vụ bán buôn bạc và kim loại quý khác	Gồm dịch vụ bán buôn bạc và kim loại quý như: bạc dạng bột, vảy, thanh, thỏi,...
			4663				Dịch vụ bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				46631	466310	4663100	Dịch vụ bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	
				46632	466320	4663200	Dịc vụ bán buôn xi măng	Gồm dịch vụ bán buôn xi măng như: xi măng đen, xi măng trắng; clanhke
				46633	466330	4663300	Dịch vụ bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	
				46634	466340	4663400	Dịch vụ bán buôn kính xây dựng	Gồm dịch vụ bán buôn kính xây dựng như: kính phẳng, loại thường dùng trong xây dựng làm tường ngăn, cửa sổ, cửa ra vào,...
				46635	466350	4663500	Dịch vụ bán buôn sơn, vécni	Gồm dịch vụ bán buôn sơn, véc ni như: - Sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép; - Bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm;
				46636	466360	4663600	Dịch vụ bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh	
				46637	466370	4663700	Dịch vụ bán buôn đồ ngũ kim dùng cho xây dựng	Gồm dịch vụ bán buôn đồ ngũ kim dùng cho xây dựng như: - Khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào,...; - Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác,...;
				46639	466390	4663900	Dịch vụ bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Gồm dịch vụ bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng như: - Ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;
			4669				Dịch vụ bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				46691			Dịch vụ bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	
					466911	4669110	Dịch vụ bán buôn phân bón	
					466912	4669120	Dịch vụ bán buôn thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	Gồm dịch vụ bán buôn thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp như: thuốc trừ sâu, sản phẩm nông hóa như: thuốc trừ cỏ, thuốc chống nảy mầm, thuốc kích thích sự tăng trưởng của cây...
				46692	466920	4669200	Dịch vụ bán buôn hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	Gồm dịch vụ bán buôn hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hóa học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, sô đa, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...
				46693	466930	4669300	Dịch vụ bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh	Gồm dịch vụ bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh như: hạt, bột, bột nhão,..
				46694	466940	4669400	Dịch vụ bán buôn cao su	Gồm dịch vụ bán buôn cao su như: - Lốp xe cao su và ống cao su,...; - Các sản phẩm bằng cao su khác,..; - Bán thành phẩm plastic; - Những sản phẩm để đóng gói bằng plastic;
				46695	466950	4669500	Dịch vụ bán buôn tơ, xơ, sợi dệt	Gồm dịch vụ bán buôn tơ, xơ, sợi dệt như: - Tơ, xơ dệt; - Sợi dệt đã xe;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				46696	466960	4669600	Dịch vụ bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	Gồm dịch vụ bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép như: - Phụ liệu may mặc như: mex dựng, độn vai, canh tóc, khóa kéo,...; - Phụ liệu giày dép như: mũi giày, lót giày, đế giày, đinh bấm,...;
				46697			Dịch vụ bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	
					466971	4669710	Dịch vụ bán buôn phế liệu, phế thải kim loại	Gồm dịch vụ bán buôn phế liệu thải kim loại gồm dịch vụ thu mua, dịch vụ sắp xếp, dịch vụ phân loại, làm sạch hàng hóa kim loại đã qua sử dụng để lấy ra phụ tùng có thể sử dụng lại, dịch vụ đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa
					466972	4669720	Dịch vụ bán buôn phế liệu, phế thải phi kim loại	Gồm dịch vụ bán buôn phế liệu thải phi kim loại gồm dịch vụ thu mua, dịch vụ sắp xếp, dịch vụ phân loại, làm sạch hàng hóa phi kim loại đã qua sử dụng để lấy ra phụ tùng có thể sử dụng lại, dịch vụ đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa
				46699			Dịch vụ bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	
					466991	4669910	Dịch vụ bán buôn bột giấy	Gồm dịch vụ bán buôn bột giấy như bột giấy làm từ gỗ hoặc các sợi xenlulo khác

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					466992	4669920	Dịch vụ bán buôn đá quý	
					466999	4669990	Dịch vụ bán buôn các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu	Gồm dịch vụ bán buôn các sản phẩm khác chưa được phân loại ở trên
		469	4690	46900	469000	4690000	Dịch vụ bán buôn tổng hợp (bán nhiều loại hàng hóa)	Gồm dịch vụ bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào
	47	470	4700				Dịch vụ bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	
				47001			Dịch vụ bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào	
					470011	4700110	Dịch vụ bán lẻ lương thực	
					470012		Dịch vụ bán lẻ thực phẩm	
						4700121	Dịch vụ bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt	Gồm dịch vụ bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt như: Thịt gia súc tươi sống hoặc làm lạnh (trâu, bò, dê,...); Thịt lợn, thịt thỏ tươi sống hoặc làm lạnh; Thịt gia cầm tươi sống hoặc làm lạnh (gà, vịt, ngan, ngỗng,...); Các sản phẩm chế biến từ thịt và nội tạng thịt (lòng, ruột, gan,...) tươi sống hoặc làm lạnh
						4700122	Dịch vụ bán lẻ thủy sản	Gồm dịch vụ bán lẻ thủy sản như: - Cá, tôm (cua, sò, hến, mực,...) tươi sống hoặc làm lạnh; - Cá, tôm (cua, sò, hến, mực,...) được chế biến sẵn thành khúc hoặc băm viên và bảo quản bằng đông lạnh; - Cá, tôm, mực được cắt khúc phơi khô, ướp muối hoặc ngâm muối;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Trứng cá muối ướp lạnh; - Món ăn hải sản được chế biến sẵn trong đó cá, tôm, cua, mực là thành phần chính; - Cá xốt các loại, đóng hộp; - Cá ngâm dầu, ngâm giấm; - Cá được tiệt trùng, khử trùng; - Cá, tôm tẩm bột, cá viên, cá xay thành bột, cá đóng thành bánh, xúc xích cá; - Pate cá, cá hun khói;
						4700123	Dịch vụ bán lẻ rau, quả	Nhóm này gồm dịch vụ bán lẻ rau, quả như: - Rau quả tươi sống hoặc được bảo quản lạnh các loại; - Rau quả đã được chế biến sẵn;
						4700124	Dịch vụ bán lẻ trứng	Gồm dịch vụ bán lẻ trứng các loại
						4700125	Dịch vụ bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	Gồm dịch vụ bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột như: - Sữa tươi được tiệt trùng bảo quản lạnh; - Sữa chua; - Bánh sữa; - Bánh quy các loại, bánh mì nướng, bánh ngọt, bánh bao các loại;
						4700126	Dịch vụ bán lẻ dầu, mỡ ăn	Gồm dịch vụ bán lẻ dầu, mỡ ăn như: - Mỡ trâu, bò, cừu, lợn và gia cầm tươi hoặc đã rán;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Dầu đậu tương, đậu nành, lạc, ô liu...; - Dầu cọ, dầu dừa,...;
						4700127	Dịch vụ bán lẻ bún, miến, mỳ tôm, phở và sản phẩm tương tự	
						4700128	Dịch vụ bán lẻ chè, cà phê, cacao	
						4700129	Dịch vụ bán lẻ thực phẩm chưa phân vào đâu	Gồm dịch vụ bán lẻ thực phẩm khác chưa được phân loại ở trên.
					470013		Dịch vụ bán lẻ đồ uống	
						4700131	Dịch vụ bán lẻ đồ uống không cồn	Gồm dịch vụ bán lẻ đồ uống không cồn như: nước ngọt, nước khoáng, nước có gas, nước quả ép, nước rau ép,...
						4700132	Dịch vụ bán lẻ đồ uống có cồn	
					470014	4700140	Dịch vụ bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	Gồm dịch vụ bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào như: thuốc lá điếu, thuốc lào, xì gà,....
				47002			Dịch vụ bán lẻ nhiên liệu động cơ	
					470021	4700210	Dịch vụ bán lẻ xăng, dầu	
					470022	4700220	Dịch vụ bán lẻ dầu mỡ bôi trơn và các sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	
				47003			Dịch vụ bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc	
					470031		Dịch vụ bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông	
						4700311	Dịch vụ bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm	Gồm dịch vụ bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông như: - Máy vi tính, thiết bị ngoại vi; - Phần mềm chuyên dụng các loại;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Phần mềm trò chơi; - Van, ống điện tử; - Thiết bị bán dẫn; - Mạch tích hợp và mạch vi xử lý; - Mạch in;
						4700312	Dịch vụ bán lẻ thiết bị viễn thông	Gồm dịch vụ bán lẻ thiết bị viễn thông như: - Thiết bị điện thoại và truyền thông; - Ti vi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến;
					470032	4700320	Dịch vụ bán lẻ thiết bị nghe nhìn	Gồm dịch vụ bán lẻ thiết bị nghe nhìn như: thiết bị truyền thanh và truyền hình, máy thu thanh, thiết bị ghi âm và sao âm thanh và hình ảnh, micro, loa phóng thanh, tai nghe, bộ nghe nói, bộ tăng âm; máy thu sóng dùng cho điện thoại vô tuyến và điện báo vô tuyến,...
				47004			Dịch vụ bán lẻ thiết bị gia đình khác	
					470041		Dịch vụ bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác	
						4700411	Dịch vụ bán lẻ vải	
						4700412	Dịch vụ bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác	
					470042		Dịch vụ bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	
						4700421	Dịch vụ bán lẻ đồ ngũ kim	Gồm dịch vụ bán lẻ đồ ngũ kim như: - Các kết cấu bằng kim loại và các bộ phận của nó: Cửa ra vào, cửa sổ các loại, khung cửa, ngưỡng cửa ra vào bằng sắt, thép hoặc bằng nhôm;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								+ Bể chứa, thùng bằng sắt, thép hoặc nhôm; - Giàn giáo, ván khuôn,...;
						4700422	Dịch vụ bán lẻ sơn, màu, véc ni	Gồm dịch vụ bán lẻ sơn, màu, vécni như: Sơn, vécni và các sản phẩm liên quan.
						4700423	Dịch vụ bán lẻ kính xây dựng	Gồm dịch vụ bán lẻ kính xây dựng như: kính phẳng, loại thường dùng trong xây dựng làm tường ngăn, cửa sổ, cửa ra vào,...
						4700424	Dịch vụ bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác	
						4700425	Dịch vụ bán lẻ gạch ốp lát, đá ốp lát, thiết bị vệ sinh	
						4700429	Dịch vụ bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Gồm dịch vụ bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chưa được phân loại ở trên.
					470043	4700430	Dịch vụ bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	Gồm dịch vụ bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn như: - Chăn, túi ngủ,...; - Khăn, ga trải giường, khăn ăn, khăn bàn hoặc bếp; - Chăn, chăn lông vịt, đệm ghế, gối và túi ngủ; - Màn, rèm, mành, ga trải giường, áo gối, tấm phủ máy móc hoặc bàn ghế; - Vải nhựa, vải dầu, lều bạt, đồ cắm trại, buồm, bạt che ô tô, che máy móc và bàn ghế; - Cờ, biểu ngữ, cờ hiệu, diềm, thảm chải sàn,...;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								- Vải lau bụi, khăn lau bát, chén, đĩa và các đồ tương tự, áo cứu đắm, dù,...; - Quần áo hóa trang,...; - Bao tải, túi các loại được sử dụng cho việc đóng gói hàng hóa; - Dây bện, dây thừng, dây chão, dây cáp, nút dây lưới,...; - Nhãn, mác và các nguyên vật liệu tương tự không được thêu, dải viền, dây tết từng mảnh; đồ có tính chất trang trí từng mảnh không thêu, trừ được đan, móc; quả tua, núm tua, quả ngù len dùng để trang trí và các đồ tương tự,..; - Dây đăng ten, ren, vải ren rời từng miếng...; - Đồ độn, lót (bông, len,...),...; - Sợi, chỉ bọc kim loại, sợi dây viền quần áo, cái khâu, cái móc, khuyết áo,...; - Dây ni lông dai, dây poliamit, dây pôliexte, sợi vitcô,...; - Sản phẩm sợi và các đồ sử dụng kỹ thuật (Gồm: bấc, măng xông đèn, ống phun nước, truyền hoặc dây băng tải,...; - Chỉ khâu, chỉ thêu và hàng dệt khác;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					470044		Dịch vụ bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu	
						4700441	Dịch vụ bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	Gồm dịch vụ bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện như: - Đèn, các thiết bị điện và các bộ phận của chúng; - Máy điều hòa, quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, bàn là, máy sấy tóc,...;
						4700442	Dịch vụ bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự	Gồm dịch vụ bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự như: - Giường, tủ, bàn, ghế,...; - Đồ nội thất trong gia đình khác,...;
						4700443	Dịch vụ bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh	Gồm dịch vụ bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh như: - Bộ đồ ăn, bộ đồ làm bếp bằng gốm, sứ, thủy tinh; - Đồ gia đình, đồ trang trí bằng gốm, sứ, thủy tinh; - Đồ gốm, sứ, thủy tinh dùng để cách ly (cách điện,...);
						4700444	Dịch vụ bán lẻ nhạc cụ	Gồm dịch vụ bán lẻ nhạc cụ như: - Đàn piano và các loại nhạc cụ có dây, có bàn phím khác; - Nhạc cụ có dây; - Nhạc cụ hơi; - Nhạc cụ khác,..;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4700449	Dịch vụ bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu	Gồm dịch vụ bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân loại ở trên
				47005			Dịch vụ bán lẻ hàng văn hóa, giải trí	
					470051	4700510	Dịch vụ bán lẻ sách, truyện các loại	
					470052	4700520	Dịch vụ bán lẻ báo, tạp chí, bưu thiếp, ấn phẩm khác	
					470053	4700530	Dịch vụ bán lẻ văn phòng phẩm	Gồm dịch vụ bán lẻ văn phòng phẩm như: - Tem, mẫu séc, giấy chứng nhận các loại, bưu thiếp, ấn phẩm quảng cáo; đề can,...; - Sổ đăng ký, sổ sách kế toán, sổ ghi chép, quyển biên lai, nhật ký và các sản phẩm tương tự; - Giấy thấm, bìa đóng giấy, bìa hồ sơ, tờ khai và những sản phẩm văn phòng khác bằng giấy hoặc bìa giấy; - Các sản phẩm văn phòng khác (bút viết, bút chì, bảng các loại, phấn vẽ,...;
					470054	4700540	Dịch vụ bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng)	
					470055	4700550	Dịch vụ bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao	
					470056	4700560	Dịch vụ bán lẻ trò chơi, đồ chơi	Gồm dịch vụ bán lẻ trò chơi, đồ chơi như: búp bê, đồ chơi các loại, trò chơi điện tử dùng với máy vô tuyến,...
				47006			Dịch vụ bán lẻ hàng hóa khác	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					470061		Dịch vụ bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da	Gồm dịch vụ bán lẻ hàng may mặc như: quần áo, tất,...
						4700611	Dịch vụ bán lẻ hàng may mặc	
						4700612	Dịch vụ bán lẻ giày dép	
						4700613	Dịch vụ bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác	
					470062		Dịch vụ bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	
						4700621	Dịch vụ bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế	Gồm dịch vụ bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế như: Thuốc tân dược,...; Dược phẩm các loại,...; Dụng cụ y tế khác,...;
						4700622	Dịch vụ bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	Gồm dịch vụ bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh như: Xà phòng, các sản phẩm hoạt động bề mặt cơ bản; Thuốc tẩy; Nước hoa, nước thơm, dầu thơm; Các chế phẩm vệ sinh: xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi; Hóa mỹ phẩm: son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt, các chế phẩm chống nắng hoặc bắt nắng, các chế phẩm dùng để trang điểm móng tay hoặc móng chân, chế phẩm dùng cho tóc,...; Chế phẩm dùng cho vệ sinh răng hoặc miệng, kể cả kem và bột làm chặt chân răng;

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								Các chế phẩm dùng trước, trong hoặc sau khi cạo mặt, các chất khử mùi cơ thể, các chế phẩm dùng để tắm rửa, thuốc làm rụng lông và các chế phẩm nước hoa, mỹ phẩm hoặc vệ sinh khác
						4700623	Dịch vụ bán lẻ thuốc đông y, thuốc nam	
					470063		Dịch vụ bán lẻ hàng hóa khác loại mới	
						4700631	Dịch vụ bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh	
						4700632	Dịch vụ bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức	Gồm dịch vụ bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức như: nhẫn, vòng, khuyên tai, kim cương, rubi, saphia, và đá ngọc bích, bạch kim,...
						4700633	Dịch vụ bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ	
						4700634	Dịch vụ bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ)	Gồm dịch vụ bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) như: tranh vẽ, tranh phác họa, tranh bột màu,...
						4700635	Dịch vụ bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình	
						4700636	Dịch vụ bán lẻ đồng hồ, kính mắt	
						4700637	Dịch vụ bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh	
						4700638	Dịch vụ bán lẻ xe đạp và phụ tùng	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4700639	Dịch vụ bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu	Gồm dịch vụ bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân loại ở trên
				47007			Dịch vụ bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng	
					470071	4700710	Dịch vụ bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng	
					470072	4700720	Dịch vụ bán lẻ sách, báo, truyện, tạp chí cũ	
					470079	4700790	Dịch vụ bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng	Gồm dịch vụ bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng chưa được phân loại ở trên
H							**DỊCH VỤ VẬN TẢI KHO BÃI**	
	49						Dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải đường ống	
		491					Dịch vụ vận tải đường sắt	
			4911	49110	491100		Dịch vụ vận tải hành khách đường sắt	
						4911001	Dịch vụ vận tải hành khách đường sắt phục vụ du lịch	Gồm dịch vụ vận tải hành khách đường sắt phục vụ du lịch như: - Dịch vụ lưu trú của toa ngủ và dịch vụ ăn uống cho hành khách trên tàu như một hoạt động không tách rời của công ty vận tải đường sắt
						4911009	Dịch vụ vận tải hành khách đường sắt khác	
			4912	49120	491200		Dịch vụ vận tải hàng hóa đường sắt	
						4912001	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng toa đông lạnh	
						4912002	Dịch vụ vận tải bằng toa bồn chở xăng dầu	Gồm dịch vụ vận tải bằng toa bồn chở xăng dầu như dầu thô, khí ga tự nhiên, các sản phẩm khí ga,...

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4912003	Dịch vụ vận tải bằng toa bồn chở khí hóa lỏng và chất lỏng khác	
						4912004	Dịch vụ vận tải công ten nơ	
						4912005	Dịch vụ vận tải thư và bưu phẩm, bưu kiện	
						4912006	Dịch vụ vận tải hàng hóa khô, hàng rời	
						4912009	Dịch vụ vận tải hàng hóa khác	Gồm dịch vụ vận tải hàng hóa khác chưa được phân loại ở trên
		492					Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt	
			4921	49210			Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	
					492101	4921010	Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	
					492102	4921020	Dịch vụ cho thuê xe buýt trong nội thành có kèm người lái	
			4922	49220			Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	
					492201	4922010	Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	
					492202	4922020	Dịch vụ cho thuê xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh có kèm người lái	
			4929	49290			Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	
					492901	4929010	Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	Dịch vụ hợp đồng với các trường học và xe chở cán bộ công nhân viên, người lao động
					492902	4929020	Dịch vụ cho thuê xe buýt loại khác	
		493					Dịch vụ vận tải đường bộ khác	
			4931				Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				49311	493110	4931100	Dịch vụ vận tải hành khách bằng hệ thống đường sắt ngầm hoặc đường sắt trên cao	
				49312	493120		Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	
						4931201	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi truyền thống	
						4931202	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi công nghệ	
						4931203	Dịch vụ cho thuê xe ô tô con có kèm người lái	
				49313	493130	4931300	Dịch vụ vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	
				49319	493190	4931900	Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)	Gồm Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe đạp, xe xích lô và xe thô sơ khác như xe ngựa, xe kéo
			4932				Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác	
				49321			Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	
					493211	4932110	Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh	
					493212	4932120	Dịch vụ vận tải hành khách bằng xe khách liên tỉnh	
					493213	4932130	Dịch vụ cho thuê xe khách có kèm người điều khiển	
				49329			Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	
					493291	4932910	Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	Gồm: dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu như: dịch vụ của đường sắt leo núi, đường cáp trên không,...

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					493292	4932920	Dịch vụ cho thuê xe khách khác chưa được phân vào đâu có kèm người điều khiển	Gồm: dịch vụ cho thuê xe khách khác chưa được phân vào đâu có kèm người điều khiển như: dịch vụ cho thuê xe để chở khách đi tham quan, du lịch hoặc các mục đích khác...
			4933				Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ	
				49331			Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	
					493311		Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	
						4933111	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng xe đông lạnh	
						4933112	Dịch vụ vận tải các sản phẩm dầu thô bằng xe xi téc (xe bồn) hoặc xe bán rơ moóc	
						4933113	Dịch vụ vận tải chất lỏng và khí ga bằng xe xi téc (xe bồn) hoặc xe bán rơ moóc	
						4933114	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng xe container	
						4933115	Dịch vụ vận tải hàng hóa loại khô	
						4933116	Dịch vụ vận tải động vật sống	
						4933117	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng khác (xe đầu kéo, tafooc...)	
						4933118	Dịch vụ vận tải thư và bưu phẩm, bưu kiện	
						4933119	Dịch vụ vận tải hàng hóa loại khác chưa phân loại vào đâu	Gồm dịch vụ vận tải hàng hóa loại khác chưa được phân loại ở trên
					493312	4933120	Dịch vụ cho thuê ô tô chuyên dụng có kèm người điều khiển	
				49332	493320		Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						4933201	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	Gồm: dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) như: dịch vụ vận tải phế liệu, phế thải, rác thải không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải
						4933202	Dịch vụ cho thuê ô tô vận tải hàng hóa loại khác có kèm người điều khiển	Gồm: dịch vụ cho thuê ô tô vận tải hàng hóa loại khác có kèm người điều khiển như: dịch vụ vận chuyển đồ đạc gia đình, thiết bị văn phòng,...
				49333	493330	4933300	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác	
				49334	493340	4933400	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ	
				49339	493390	4933900	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác	
		494	4940	49400			Dịch vụ vận tải đường ống	
					494001	4940010	Dịch vụ vận tải sản phẩm dầu thô và dầu tinh luyện	
					494002	4940020	Dịch vụ vận tải khí ga tự nhiên	
					494009	4940090	Dịch vụ vận tải đường ống hàng hóa khác	
	50						Dịch vụ vận tải đường thủy	
		501					Dịch vụ vận tải ven biển và viễn dương	
			5011				Dịch vụ vận tải hành khách ven biển và viễn dương	
				50111			Dịch vụ vận tải hành khách ven biển	
					501111		Dịch vụ vận tải hành khách ven biển	
						5011111	Dịch vụ vận tải hành khách ven biển bằng phà	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						5011112	Dịch vụ vận tải hành khách ven biển bằng tàu thủy	
						5011119	Dịch vụ vận tải hành khách ven biển khác	
					501112	5011120	Dịch vụ cho thuê tàu vận tải hành khách ven biển có kèm người điều khiển	
				50112			Dịch vụ vận tải hành khách viễn dương	
					501121		Dịch vụ vận tải hành khách viễn dương	
						5011211	Dịch vụ vận tải hành khách viễn dương bằng tàu thủy	
						5011219	Dịch vụ vận tải hành khách viễn dương khác	
					501122	5011220	Dịch vụ cho thuê tàu vận tải hành khách viễn dương có kèm người điều khiển	
			5012				Dịch vụ vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	
				50121			Dịch vụ vận tải hàng hóa ven biển	
					501211		Dịch vụ vận tải hàng hóa ven biển	
						5012111	Dịch vụ vận tải hàng hóa đông lạnh bằng tàu đông lạnh	
						5012112	Dịch vụ vận tải dầu thô và xăng dầu tinh chế bằng tàu chở dầu	
						5012113	Dịch vụ vận tải chất lỏng khác hoặc khí ga bằng tàu chở dầu	
						5012114	Dịch vụ vận tải các công ten nơ bằng tàu chuyên chở công ten nơ	
						5012115	Dịch vụ vận tải hàng hóa khô	
						5012119	Dịch vụ vận tải hàng hóa khác	
					501212		Dịch vụ cho thuê tàu chở hàng có kèm người điều khiển; dịch vụ kéo đẩy	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						5012121	Dịch vụ cho thuê tàu chở hàng có kèm người điều khiển	
						5012122	Dịch vụ kéo đẩy	Gồm dịch vụ kéo đẩy như: dịch vụ kéo tàu thuyền trên sông nước nội địa do tàu dắt, kể cả dịch vụ kéo những dàn khoan dầu lửa, cần cẩu nổi, tàu nạo vét, phao và những thân tàu và tàu chưa đóng xong trên cơ sở lệ phí hoặc hợp đồng dịch vụ kéo những tàu đi trên sông nước nội địa bị tai nạn cũng được phân loại vào đây
				50122			Dịch vụ vận tải hàng hóa viễn dương	
					501221		Dịch vụ vận tải hàng hóa viễn dương	
						5012211	Dịch vụ vận tải hàng hóa đông lạnh bằng tàu đông lạnh	
						5012212	Dịch vụ vận tải dầu thô và xăng dầu tinh chế bằng tàu chở dầu	
						5012213	Dịch vụ vận tải chất lỏng khác hoặc khí ga bằng tàu chở dầu	
						5012214	Dịch vụ vận tải các công ten nơ bằng tàu chuyên chở công ten nơ	
						5012215	Dịch vụ vận tải hàng hóa khô	
						5012219	Dịch vụ vận tải hàng hóa khác	
					501222		Dịch vụ cho thuê tàu chở hàng có kèm người điều khiển; dịch vụ kéo đẩy	
						5012221	Dịch vụ cho thuê tàu chở hàng có kèm người điều khiển	
						5012222	Dịch vụ kéo đẩy	Gồm dịch vụ kéo đẩy như: dịch vụ kéo tàu thuyền trên biển viễn

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
								dương do tàu dắt, kể cả dịch vụ kéo những dàn khoan dầu lửa, cần cẩu nổi, tàu nạo vét, phao và những thân tàu và tàu chưa đóng xong trên cơ sở lệ phí hoặc hợp đồng dịch vụ kéo những tàu đi trên sông nước nội địa bị tai nạn cũng được phân loại vào đây
		502					Dịch vụ vận tải đường thủy nội địa	
			5021				Dịch vụ vận tải hành khách đường thủy nội địa	
				50211			Dịch vụ vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới	
					502111		Dịch vụ vận tải hành khách bằng phương tiên cơ giới	
						5021111	Dịch vụ vận tải hành khách bằng tàu thủy	
						5021112	Dịch vụ vận tải hành khách bằng phà	
						5021113	Dịch vụ vận tải hành khách phục vụ đi chơi, tham quan	
						5021119	Dịch vụ vận tải hành khách bằng phương tiện cơ giới khác	
					502112	5021120	Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải cơ giới có kèm người điều khiển	
				50212			Dịch vụ vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ	
					502121		Dịch vụ vận tải hành khách bằng phương tiện thô sơ	
						5021211	Dịch vụ vận tải hành khách bằng thuyền	
						5021212	Dịch vụ vận tải hành khách bằng ghe	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
						5021213	Dịch vụ vận tải hành khách phục vụ đi chơi, tham quan	
						5021219	Dịch vụ vận tải hành khách bằng phương tiện thô sơ khác	
					502122	5021220	Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải thô sơ có kèm người điều khiển	
			5022				Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	
				50221			Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới	
					502211		Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới	
						5022111	Dịch vụ vận tải hàng hóa đông lạnh bằng tàu đông lạnh	
						5022112	Dịch vụ vận tải dầu thô và xăng dầu tinh chế bằng tàu chở dầu	
						5022113	Dịch vụ vận tải chất lỏng khác hoặc khí ga bằng tàu chở dầu	
						5022114	Dịch vụ vận tải các côngtenơ bằng tàu chuyên chở công ten nơ	
						5022115	Dịch vụ vận tải hàng hóa khô	
						5022119	Dịch vụ vận tải hàng hóa khác	
					502212		Dịch vụ cho thuê tàu chở hàng có kèm người điều khiển; dịch vụ kéo đẩy	
						5022121	Dịch vụ cho thuê tàu chở hàng có kèm người điều khiển	
						5022122	Dịch vụ kéo đẩy	
				50222			Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ	
					502221	5022210	Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
					502222		Dịch vụ cho thuê phương tiện thô sơ chở hàng có kèm người điều khiển; dịch vụ kéo đẩy	
						5022221	Dịch vụ cho thuê tàu chở hàng có kèm người điều khiển	
						5022222	Dịch vụ kéo đẩy	
	51						Dịch vụ vận tải hàng không	
		511	5110				Dịch vụ vận tải hành khách hàng không	
				51101			Dịch vụ vận tải hành khách hàng không theo tuyến và lịch trình cố định	
					511011	5110110	Dịch vụ vận tải hành khách hàng không nội địa theo tuyến và lịch trình cố định	
					511012	5110120	Dịch vụ vận tải hành khách hàng không quốc tế theo tuyến và lịch trình cố định	
				51109			Dịch vụ vận tải hành khách hàng không loại khác	
					511091	5110910	Dịch vụ vận tải hành khách hàng không nội địa không theo tuyến và lịch trình cố định, ngoại trừ mục đích phục vụ tham quan	
					511092	5110920	Dịch vụ vận tải hành khách hàng không quốc tế không theo tuyến và lịch trình	
					511093	5110930	Dịch vụ cho thuê phương tiện vận chuyển hành khách hàng không có kèm người điều khiển	
		512	5120				Dịch vụ vận tải hàng hóa hàng không	
				51201			Dịch vụ vận tải hàng hóa hàng không theo tuyến và lịch trình cố định	
					512011	5120110	Dịch vụ vận chuyển thư từ, bưu kiện	
					512012	5120120	Dịch vụ vận chuyển hàng hóa khác theo lịch trình	
					512013	5120130	Dịch vụ vận chuyển hàng hóa khác không theo lịch trình	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Cấp 7	Tên sản phẩm	Nội dung
				51209	512090	5120900	Dịch vụ vận tải hàng hóa hàng không loại khác	
	52						Dịch vụ kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	
		521	5210				Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa	
				52101	521010	5210100	Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan	Gồm dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan đối với các loại hàng hóa trong hầm chứa, bể chứa, kho chứa hàng hóa thông thường và đông lạnh
				52102	521020	5210200	Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)	
				52109	521090		Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác	
						5210901	Dịch vụ kho bãi và lưu giữ khí ga và chất lỏng	
						5210902	Dịch vụ kho bãi và lưu giữ thóc, gạo	
						5210909	Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa chưa phân vào đâu	
		522					Dịch vụ hỗ trợ cho vận tải	
			5221	52210			Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	
					522101	5221010	Dịch vụ kéo, đẩy	
					522109	5221090	Dịch vụ khác có liên quan đến vận tải đường sắt	Gồm dịch vụ liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường sắt; hoạt động của các nhà ga đường sắt; hoạt động của quản lý, điều độ mạng đường sắt; bẻ ghi đường sắt, trạm chắn tàu,... Loại trừ: dịch vụ bốc dỡ hàng hóa đường sắt

(Xem tiếp Công báo số 1045 + 1046)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng